

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA TRÁI PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



BIDV

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 26/11/2018)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

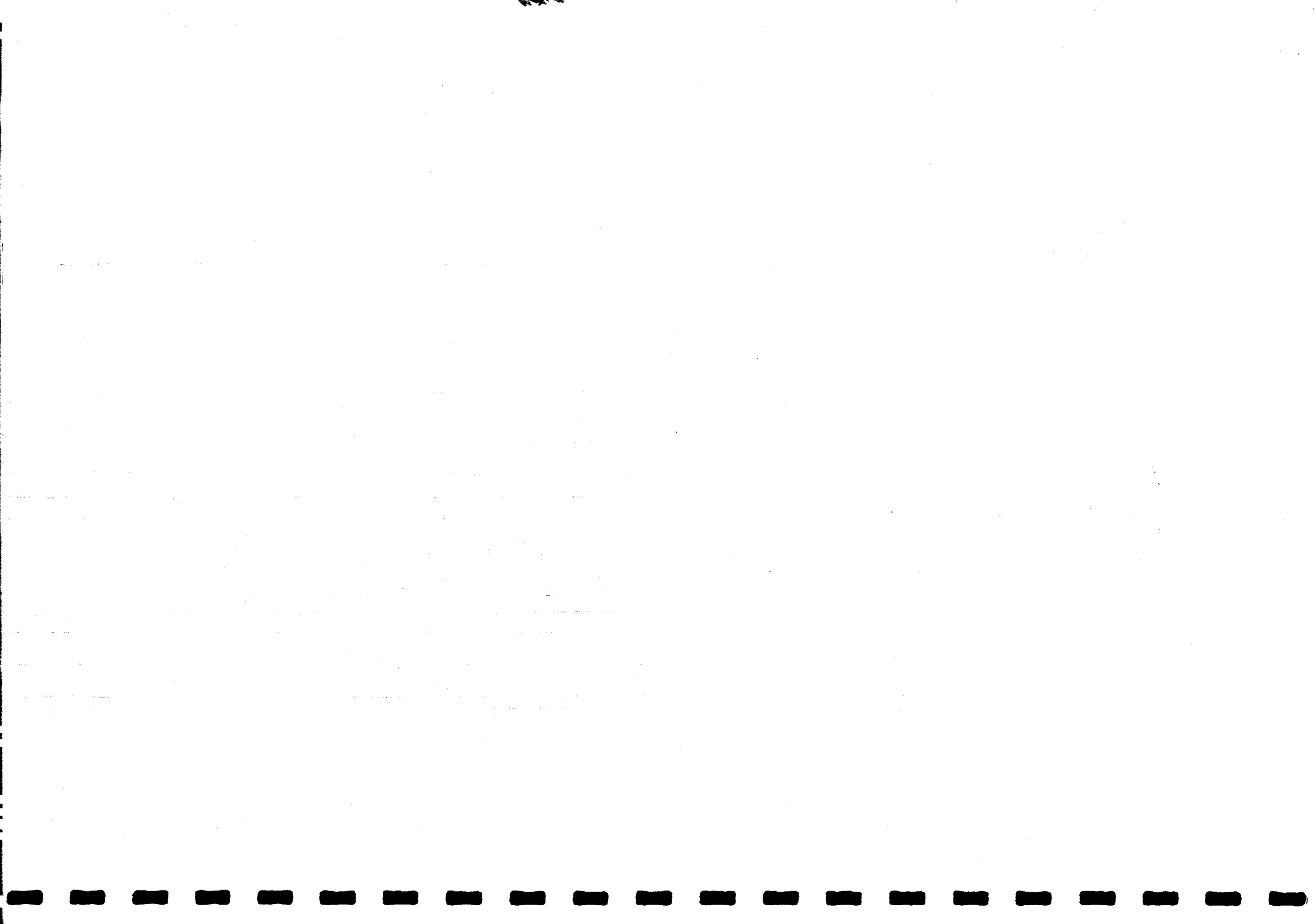
(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số.../14.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...tháng...năm 2019)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... tháng ... năm 2019 tại:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)**
Trụ sở chính : Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 22200588 Fax: (84.24) 22200399
Website : www.bidv.com.vn
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)**
Trụ sở chính : Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 39352722 Fax: (84.24) 22200669
Website : www.bsc.com.vn
- Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.28) 38218885 Fax: (84.28) 38218510

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : (Ông) Quách Hùng Hiệp
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc BIDV
Điện thoại : (84.24) 22201162 Fax: (84.24) 22225329



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 26/11/2018)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên trái phiếu** : Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng quý IV năm 2019.
- Loại trái phiếu** : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của BIDV theo quy định hiện hành.
- Thời hạn đáo hạn** : - Trái phiếu kỳ hạn bảy (07) năm đáo hạn năm 2026.
- Trái phiếu kỳ hạn mười (10) năm đáo hạn năm 2029.
- Mã trái phiếu** : - BID2_19.08 đối với kỳ hạn bảy (07) năm đáo hạn năm 2026.
- BID2_19.09 đối với kỳ hạn mười (10) năm đáo hạn năm 2029.
- Lãi suất** : - Trái phiếu kỳ hạn bảy (07) năm đáo hạn năm 2026 có lãi suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu + 1,3%/năm.
- Trái phiếu kỳ hạn mười (10) năm đáo hạn năm 2029 có lãi suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu + 1,4%/năm.
- Kỳ hạn trả lãi** : Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn năm so với ngày phát hành.
- Mệnh giá** : 10.000.000 VND (mười triệu đồng Việt Nam)/trái phiếu.
- Giá bán** : 100% (một trăm phần trăm) mệnh giá.
- Tổng số lượng chào bán** : 400.000 (bốn trăm nghìn) Trái Phiếu kỳ hạn 07 năm đáo hạn năm 2026 (“**Trái Phiếu 2026**”) và 50.000 (năm mươi nghìn) Trái Phiếu kỳ hạn 10 năm đáo hạn năm 2029 (“**Trái Phiếu 2029**”). Trái Phiếu 2026 và Trái Phiếu 2029 gọi chung là “**Trái Phiếu**”
- Tổng giá trị chào bán** : 4.000.000.000.000 VND (bốn nghìn tỷ đồng Việt Nam) Trái Phiếu kỳ hạn 07 năm đáo hạn năm 2026 và 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ đồng Việt Nam) Trái Phiếu kỳ hạn 10 năm đáo hạn năm 2029.

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH: Không có

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Từ 01/01/2013 đến 31/12/2017:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

Từ 01/01/2018:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 38315100 Fax: (84.24) 38315090

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 10 – 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU: Không có

MỤC LỤC

| | |
|--|------------|
| NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 4 |
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... | 4 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 12 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM..... | 13 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 14 |
| V. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN..... | 75 |
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN..... | 97 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 97 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN..... | 98 |
| IX. PHỤ LỤC..... | 100 |

Handwritten signature or mark

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro cơ bản, phát sinh khi lãi suất thị trường biến động ảnh hưởng bất lợi gây tổn thất đối với thu nhập lãi thuần, giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (thuộc Sổ ngân hàng) và giá trị danh mục kinh doanh (thuộc Sổ kinh doanh) của ngân hàng. Rủi ro lãi suất được quản lý tập trung tại Trụ sở chính. Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng và rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh.

Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng: là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập lãi thuần và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (khe hở tái định giá) và khe hở thời lượng của Sổ ngân hàng, thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của BIDV có thể sẽ bị ảnh hưởng.

Đối với rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh: là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của BIDV.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của BIDV do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ sự bất cập trong cơ chế, chính sách của Nhà nước; môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của BIDV và đòi hỏi BIDV phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

3. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi BIDV có trạng thái ngoại tệ. Rủi ro ngoại hối của BIDV hiện nay phát sinh và được quản lý theo các danh mục toàn hàng, danh mục tự doanh và danh mục kinh doanh phục vụ khách hàng. Rủi ro ngoại hối được quản lý tập trung tại Trụ sở chính.

4. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

BIDV đã xây dựng hệ thống văn bản nội bộ về quản lý rủi ro thanh khoản trong đó xác định rõ các công cụ quản lý rủi ro thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý,

khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra. Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro thanh khoản cũng được thực hiện định kỳ 2 lần/năm nhằm xác định khả năng chống đỡ của ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng thanh khoản, từ đó có biện pháp dự phòng ứng phó phù hợp.

BIDV luôn kiểm soát chặt chẽ rủi ro thanh khoản trên cơ sở tuân thủ các quy định của NHNN và các văn bản nội bộ. Trong năm 2018, tình hình thanh khoản của BIDV diễn biến tốt, các nghĩa vụ thanh toán đối với khách hàng luôn được đảm bảo đúng hạn. BIDV luôn bám sát các diễn biến của thị trường, nhu cầu thanh toán của khách hàng và dự kiến các tình huống bất lợi để chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành cân đối vốn phù hợp.

5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2019, tổng các cam kết ngoại bảng của BIDV là 218.601 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 205.251 tỷ đồng, các cam kết khác là 13.350 tỷ đồng.

Rủi ro từ các cam kết ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh). Khi đó BIDV sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, BIDV đã ban hành quy trình thẩm định và cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống định hạng tín dụng và phân loại khách hàng, quy định về tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng cũng như mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- ❖ Đối với các cam kết bảo lãnh: BIDV phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần (lần lượt là: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn,..). Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khách hàng, BIDV sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ phù hợp để hạn chế rủi ro.
- ❖ Đối với các cam kết thanh toán L/C : BIDV quản lý khả năng xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, yêu cầu tỷ lệ ký quỹ/tài sản đảm bảo tương ứng với mức độ tín nhiệm của từng nhóm khách hàng.

6. Rủi ro luật pháp

BIDV là ngân hàng TMCP đại chúng quy mô lớn, niêm yết, hoạt động của BIDV chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, ... Mỗi luật này lại có một hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm nhiều nghị định và thông tư, trong đó, tính ổn định của các thông tư chưa cao, thường xuyên thay đổi. Do vậy, có thể nói, hệ thống pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay khá chằng chịt, đan xen, phức tạp, khiến cho hoạt động của các NHTMCP như BIDV tiềm ẩn một số rủi ro pháp lý cơ bản như sau:

- (i) Sự thiếu ổn định của hệ thống pháp luật: Việc thường xuyên ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (đặc biệt là các văn bản dưới luật) cho thấy các cơ quan có thẩm

quyền của Việt Nam đã bám sát diễn biến của nền kinh tế, phản ứng nhanh nhạy với các thay đổi đó để điều chỉnh chính sách pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực, một số văn bản pháp luật mới ban hành có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của TCTD, CNNHNNg trong ngắn hạn. Đồng thời, việc quá thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho thấy phần nào sự thiếu ổn định, lâu dài của chính sách pháp luật, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn, đây cũng là dấu hiệu rủi ro đặc trưng của hệ thống pháp luật thuộc các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

- (ii) Sự không thống nhất giữa các quy định pháp luật: Việc nhiều cơ quan nhà nước cùng được giao thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với một vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp, nội dung hướng dẫn của cơ quan này không thống nhất nội dung hướng dẫn của cơ quan khác; bên cạnh đó, một số trường hợp, văn bản giải thích, hướng dẫn của cấp dưới không hoàn toàn thống nhất với văn bản của cấp trên (nghị định không thống nhất, với luật, pháp lệnh; Thông tư không thống nhất với nghị định/luật/pháp lệnh,...) dẫn đến khó khăn cho các cá nhân, doanh nghiệp trong việc lựa chọn luật để áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phòng tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.
- (iii) Việc giải thích, áp dụng pháp luật của cơ quan thẩm quyền không thống nhất: Việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán hoặc việc áp dụng luật của các cơ quan tư pháp (toà án, viện kiểm sát) đối với những vấn đề pháp luật quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể trong một số trường hợp có thể chưa thống nhất, theo đó, một số trường hợp có thể gây bất lợi, rủi ro cho các cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ luật pháp.

Hiện nay, lĩnh vực tài chính, ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh tế được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm, các quy định pháp luật về tài chính, ngân hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện nhằm tạo ra một khung pháp lý chặt chẽ, tiên bộ, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy và giữ ổn định hoạt động của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa dự đoán được chính xác khi nào thì đạt được sự ổn định, chắc chắn như hệ thống pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển, do vậy, điều này hiện vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Trong đợt phát hành trái phiếu ra công chúng này, BIDV không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không huy động được đủ số vốn dự kiến. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng trái phiếu đã đăng ký, BIDV sẽ điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của BIDV, đáp ứng nhu cầu cho vay VND đối với các dự án trung và dài hạn của BIDV. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất...

8. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro có thể xuất hiện trong hầu hết các hoạt động của ngân hàng, là rủi ro cố hữu, gắn liền với hoạt động ngân hàng nhưng lại rất khó lường đoán. Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài. RRHD bao gồm rủi ro pháp lý, không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác quản lý rủi ro hoạt động, BIDV đã ban hành hệ thống chính sách, quy định, các văn bản hướng dẫn và triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN. Bên cạnh đó, BIDV đã chủ động xây dựng, phát triển các chương trình phần mềm để hỗ trợ công tác quản lý rủi ro hoạt động, đồng thời chú trọng nâng cao kiến thức, nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro trong hệ thống thông qua việc triển khai chương trình đào tạo định kỳ, xây dựng thư viện đào tạo đề cập nhật kiến thức đến các đơn vị/cán bộ trong hoàn hệ thống.

9. Rủi ro khác

9.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Trong 5 tháng đầu năm 2019, kinh tế Việt Nam duy trì sự ổn định và tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn có thể chịu ảnh hưởng từ một số rủi ro đến từ kinh tế thế giới và kinh tế trong nước, bao gồm:

- ❖ *Rủi ro, thách thức từ bên ngoài:* (i) căng thẳng thương mại Mỹ-Trung leo thang, gây ra nhiều xáo trộn với thị trường thế giới; (ii) kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng chậm lại, trong khi khu vực EU đang gặp nhiều vướng mắc do căng thẳng thương mại với Mỹ, tiến trình Brexit phức tạp và bất định...; (iii) các căng thẳng chính trị, địa chính trị tiếp tục gây ảnh hưởng đến giá dầu... Các bất ổn, thách thức này khiến triển vọng kinh tế, thương mại toàn cầu giảm tốc, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu, đầu tư tại Việt Nam cũng như có khả năng tác động đến mặt bằng giá cả trong nước.
- ❖ *Rủi ro từ nội tại:* (i) Thâm hụt ngân sách còn cao, các chỉ tiêu nợ so GDP có giảm song vẫn ở mức cao; tỷ lệ nợ công năm 2018 ước ở mức 58,4% GDP, nợ Chính phủ ở mức 50% GDP, nợ nước ngoài ở mức 46% GDP. (ii) Tiến trình cơ cấu lại nền kinh tế, đặc biệt là các khu vực quan trọng còn chậm và gặp nhiều vướng mắc; thoái vốn và cổ phần hóa DNNN không đạt tiến độ theo kế hoạch đã đề ra; khó khăn trong việc thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu, xử lý tài sản đảm bảo. (iii) Sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa được cải thiện nhiều trong bối cảnh hiệu lực thực thi chính sách còn yếu, tiến độ cải thiện môi trường đầu tư, cắt giảm các điều kiện kinh doanh còn chậm; thủ tục đăng ký kinh doanh – khởi nghiệp còn phức tạp, thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đất đai, thuế, bảo hiểm xã hội, quản lý thị trường, giao thông vận tải, kiểm tra chuyên ngành hải quan... chậm được cải thiện; tính minh bạch, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn cần nhiều cải thiện...v.v. (iv) Chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam chưa cao, năng suất lao động tuyệt đối còn thấp so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc còn hạn chế.

Mặc dù vậy, với kinh nghiệm điều hành vĩ mô và với quyết tâm cao của Chính phủ, các bộ, ngành, cùng với cơ hội có được từ đà tăng trưởng, đà cải cách và hội nhập quốc tế trong bối

cảnh CPTPP có hiệu lực và EVFTA có thể được thông qua; khả năng tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể đạt 6,6-6,8%.

9.2. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống CNTT có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ việc BIDV phải sử dụng các phần mềm, dịch vụ hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc vận hành sai, không tuân thủ chặt chẽ quy trình theo dõi, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ tấn công mạng (hacker)..

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro hệ thống CNTT, trong những năm qua, cùng với việc phát triển nguồn nhân lực CNTT hợp lý, BIDV không ngừng đầu tư trang thiết bị, xây dựng một hệ thống CNTT hoàn chỉnh: nâng cấp hệ thống tường lửa, hệ thống IPS/IDS với công nghệ mới nhất cho mạng WAN/LAN; trang bị hệ thống phòng chống virus có bản quyền, được cập nhật thường xuyên và dùng cho toàn hệ thống BIDV; trang bị hệ thống NPS để thực hiện kiểm soát truy cập mạng LAN trên toàn hệ thống nhằm nâng cao khả năng bảo mật cho hệ thống; xây dựng trung tâm phục hồi thảm họa theo chuẩn quốc tế; hệ thống lưu trữ SAN cũng như các chính sách an ninh, bảo mật, an toàn hệ thống để giảm thiểu những rủi ro từ hoạt động CNTT. BIDV cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có Trung tâm dự phòng sử dụng hệ thống máy chủ dự phòng và công nghệ lưu trữ với các giải pháp tiên tiến nhất, đảm bảo hoạt động của Ngân hàng liên tục kể cả khi xảy ra các thảm họa về thiên tai và các thảm họa khác. Năm 2015, BIDV đã được cấp chứng chỉ quốc tế ISO/IEC 27001:2013 – chứng chỉ ISO cho hệ thống quản lý An toàn thông tin phiên bản mới trên thế giới.

Công tác quản trị và vận hành các hệ thống CNTT, đặc biệt là công tác an ninh bảo mật, an toàn thông tin tại BIDV được quan tâm, chú trọng và giám sát, kiểm soát chặt chẽ 24/24 theo hệ thống quy trình, quy định được ban hành và định kỳ rà soát, cập nhật. Các phương án, kịch bản xử lý dự phòng rủi ro trong các trường hợp phát sinh sự cố CNTT cũng được triển khai xây dựng và tổ chức diễn tập định kỳ, đồng thời phản ứng kịp thời với các sự kiện bảo mật, mất an toàn thông tin từ bên ngoài, đảm bảo yếu tố dự phòng vận hành liên tục, giúp hệ thống CNTT hoạt động ổn định và an toàn trong suốt thời gian qua, được các tổ chức CNTT quốc tế đánh giá cao.

Ngoài ra, trước các nguy cơ về an ninh mạng ngày càng gia tăng, BIDV đã tăng cường các công tác chuẩn bị, nâng cao tính sẵn sàng CNTT tại BIDV để đối phó với những tác động xấu từ bên ngoài và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ngày càng khắt khe về tuân thủ trong thời gian tới như: thành lập tổ công tác đặc biệt ứng phó với các tình huống về an ninh mạng; thành lập tổ SOC để theo dõi, giám sát, phát hiện sớm và phân tích, xử lý sự cố bảo mật; phối hợp/ký kết thỏa thuận hợp tác với CMC, VNCert trong công tác đánh giá an ninh ANBM hệ thống CNTT của BIDV. Phối hợp chặt chẽ với NHNN, Hiệp hội an ninh mạng Việt Nam (VNISA), Bộ Công an (C50, PC50) thực hiện tốt công tác cảnh báo và giám sát an ninh mạng của BIDV. Đồng thời, để nâng cao năng lực xử lý của hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT, BIDV đang trong giai đoạn xây dựng Trung tâm dữ liệu mới đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và các chuẩn công nghệ quốc tế, nâng cao khả năng sẵn sàng và hoạt động liên tục của hệ thống CNTT, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kinh doanh và quản trị điều hành của BIDV, sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2019.

9.3. *Rủi ro khác*

9.3.1. *Rủi ro đối với BIDV*

- ❖ BIDV là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao

Sau khi thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) thành công vào cuối tháng 12 năm 2011, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, BIDV chính thức hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối và hiện BIDV đang trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê chuẩn BIDV là công ty đại chúng vào ngày 24/01/2014, cổ phiếu BIDV chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (mã cổ phiếu: BID).

Hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần giúp BIDV có thể đa dạng hóa hình thức sở hữu và từng bước giảm sự phụ thuộc về vốn vào Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên, điều đó có thể dẫn tới việc BIDV sẽ phải tuân thủ hệ thống quy định về quản trị điều hành, giám sát mới.

BIDV hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng khác, bao gồm các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa thị trường rộng hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

- ❖ Các quy định khác nhau về công bố thông tin, kế toán và quản lý

BIDV lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo VAS và IFRS mà các chuẩn mực này có những khác biệt cơ bản. Trừ trường hợp được quy định khác đi, các thông tin tài chính thể hiện trong Bản cáo bạch này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS.

NHNN quy định hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Nhà nước, các ngân hàng thương mại cổ phần mà Nhà nước có cổ phần chi phối và có khả năng tác động đến thị trường ngân hàng tài chính nói chung. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác so với các quy định hiện hành tại các quốc gia khác. Bên cạnh đó, do BIDV hoạt động trong ngành ngân hàng và chứng khoán là những ngành chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng các cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực riêng tại Việt Nam cũng như đưa ra những hướng dẫn và các quy định cụ thể tại Việt Nam đối với các lĩnh vực đặc thù nêu trên.

9.3.2. *Rủi ro đối với Trái phiếu*

- ❖ Trái Phiếu không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành.

Do đó, trong trường hợp BIDV phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của BIDV. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của BIDV. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà BIDV có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu:

- Trái Phiếu chỉ được BIDV mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và
 - BIDV được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của BIDV bị lỗ.
- ❖ Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của BIDV và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

- ❖ Việc hạn chế sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ Nhà đầu tư trong nước cho Nhà đầu tư nước ngoài

Tại Điều 6 của Thông tư 34/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 và Thông tư số 16/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016) có quy định về việc tỷ lệ sở hữu trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài phải tuân thủ theo quy định của NHNN và các văn bản pháp luật liên quan trong từng thời kỳ.

Do vậy, trong từng thời kỳ và phụ thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu niêm yết đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và do vậy có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ Nhà đầu tư trong nước cho Nhà đầu tư nước ngoài.

- ❖ Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm BIDV có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt

động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ Bảo hiểm tiền gửi

Nhà đầu tư là tổ chức cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

9.3.3. *Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam*

❖ Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của BIDV có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV.

❖ Hạn chế chuyển tài sản về nước

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại tổ chức tín dụng được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA BIDV.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

(Ông) Phan Đức Tú Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ông) Lê Ngọc Lâm Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành

(Bà) Tạ Thị Hạnh Chức vụ: Kế toán trưởng

(Bà) Võ Bích Hà Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: (Ông) Đỗ Huy Hoài

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp.


III. CÁC KHÁI NIỆM

- ❖ “BIDV”, “Tổ Chức Phát Hành”: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- ❖ “BSC”: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- ❖ “ĐHĐCĐ”: Đại Hội đồng Cổ đông
- ❖ “MHB”: Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- ❖ “HĐQT”: Hội đồng Quản trị
- ❖ “BGĐ”: Ban Giám đốc
- ❖ “BKS”: Ban Kiểm soát
- ❖ “CHDCND”: Cộng hòa dân chủ nhân dân
- ❖ “CNTT”: Công nghệ Thông tin
- ❖ “ISO”: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- ❖ “ATM”: Máy rút tiền tự động
- ❖ “CMTND”: Chứng minh thư nhân dân
- ❖ “CTCP”: Công ty Cổ phần
- ❖ “NHTM”: Ngân hàng Thương mại
- ❖ “NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- ❖ “UBCKNN”: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ❖ “TMCP”: Thương mại Cổ phần
- ❖ “TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
- ❖ “TCTD”: Tổ chức tín dụng
- ❖ “SGDCK”: Sở Giao dịch chứng khoán
- ❖ “UBND”: Ủy Ban Nhân Dân
- ❖ “UNDP”: Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc
- ❖ “USD”: Đồng đô la Mỹ
- ❖ “VND”: Việt Nam Đồng
- ❖ “VPĐD”: Văn phòng đại diện

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- ❖ Tên tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- ❖ Tên tiếng Anh: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- ❖ Tên viết tắt: BIDV
- ❖ Mã chứng khoán: BID
- ❖ Logo: 
- ❖ Vốn điều lệ: 34.187.153.340.000 VND (Bằng chữ: *Ba mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy tỷ một trăm năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*)
- ❖ Trụ sở chính: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- ❖ Điện thoại: (84-24) 22200588
- ❖ Fax: (84-24) 22200399
- ❖ Website: www.bidv.com.vn
- ❖ Mã số thuế: 0100150619
- ❖ Đăng ký kinh doanh:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 26/11/2018.

Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012, đã được cấp sửa đổi theo Quyết định số 2021/QĐ-NHNN ngày 13/10/2015, Quyết định số 173/QĐ-NHNN ngày 18/02/2016 của NHNN, Quyết định số 2266/QĐ-NHNN ngày 27/10/2017, Quyết định số 842/QĐ-NHNN ngày 20/4/2018, và Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 30/5/2018.

Các lĩnh vực hoạt động

BIDV là một ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, hướng tới hình thành tập đoàn tài chính – ngân hàng với các lĩnh vực kinh doanh:

- ❖ Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

- ❖ Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;
- ❖ Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật. Hoạt động ngân hàng đầu tư bao gồm nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư, tư vấn phát hành chứng khoán, IPO, tư vấn niêm yết;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán; đại lý phát hành chứng khoán;
 - Môi giới và tự doanh chứng khoán;
 - Quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư;
 - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
 - Dịch vụ lưu ký chứng khoán, ngân hàng giám sát;
 - Dịch vụ quản lý tài sản;
 - Hoạt động nghiên cứu;
 - Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
- ❖ Bảo hiểm: BIDV thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập công ty có liên quan hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm theo quy định của pháp luật:
 - Bảo hiểm nhân thọ;
 - Bảo hiểm phi nhân thọ;
 - Tái bảo hiểm;
 - Các dịch vụ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của

Thống đốc NHNN cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại. BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.

Qua hơn 60 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam. Sau khi thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) vào ngày 28 tháng 12 năm 2011, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, BIDV chính thức chuyển sang vận hành với tư cách một Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Bảng 1: Chặng đường phát triển của BIDV

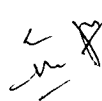
| Năm | Sự kiện |
|-----------|--|
| 1957 | Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, trực thuộc Bộ Tài Chính, 100% sở hữu Nhà nước. |
| 1981 | Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước). |
| 1990 | Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. |
| 1992 | Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài. |
| 1995 | Chuyển sang hoạt động như một Ngân hàng thương mại với số vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng. |
| 1996 | Là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, và áp dụng liên tục cho tới nay (18 năm). |
| 2001 | Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000. |
| 2001–2006 | Thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng. Tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 4.077 tỷ đồng. |
| 2006 | Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín toàn cầu Moody’s thực hiện xếp hạng tín nhiệm, và được áp dụng liên tục cho tới nay (10 năm). |
| 2008 | Chuyển đổi mô hình tổ chức theo dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 do World Bank tài trợ. Tăng vốn điều lệ lên 8.756 tỷ đồng. |
| 2009 | Tăng vốn điều lệ lên 10.498 tỷ đồng. |

| Năm | Sự kiện |
|------------|--|
| 2010 | Tiếp tục tăng vốn điều lệ, đạt mức 14.600 tỷ đồng. Bắt đầu tiến hành định hạng năng lực tài chính bởi tổ chức định hạng quốc tế S&P. |
| 2011 | Điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống mức 12.947 tỷ đồng do thực hiện bóc tách các khoản đầu tư vào thị trường Campuchia theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 28/12/2011, tiến hành IPO thành công với việc phát hành 3% vốn điều lệ (tương đương với 847,5 tỷ đồng), giá đầu thành công bình quân là 18.583 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). |
| 08/03/2012 | Tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu và thông qua đề án Tái cơ cấu 2011-2015 và chiến lược phát triển nhằm đưa BIDV trở thành ngân hàng kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính tại Việt Nam. |
| 27/04/2012 | Chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) với số vốn điều lệ là 23.012 tỷ đồng. |
| 06/08/2013 | Tăng vốn điều lệ lên 28.112.026.440.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu. |
| 24/01/2014 | Chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). |
| 22/05/2015 | Hoàn thành phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập MHB vào BIDV. |
| 2015 | Tăng vốn điều lệ lên 34.187.153.340.000 đồng. |
| 30/06/2016 | BIDV được cấp phép chính thức thành lập chi nhánh tại Myanmar. |
| 2016 | BIDV trở thành ngân hàng TMCP đầu tiên cán mốc giá trị tổng tài sản trên 1 triệu tỷ đồng. |
| 26/4/2017 | Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập BIDV và đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam, Huân chương độc lập hạng nhất của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Huân chương Hoàng gia cao quý nhất của Quốc vương Campuchia. |

Nguồn: BIDV

Bảng 2: Các danh hiệu & phần thưởng cao quý BIDV được trao trong thời gian qua

| A | Đánh giá ghi nhận của Đảng và Nhà nước Việt Nam |
|---|--|
| 1 | Là ngân hàng đầu tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới” (2000). |
| 2 | Huân chương Hồ Chí Minh (2007). |



- 3 Huân chương Độc lập hạng Ba (1999), Độc lập hạng Nhất (2002 và 2012).
- 4 Huân chương Lao động hạng Nhất (1997).
- 5 Huân chương Lao động hạng Nhất (2017).
- 6 53 Huân chương Độc lập, Huân chương lao động cho các tập thể và cá nhân.
- 7 133 bằng khen của Chính phủ cho tập thể và cá nhân.
- 8 79 cờ thi đua của Chính phủ, Thống đốc NHNN và UBND các tỉnh, thành phố.
- 9 Chính Phủ và Bộ Công thương công nhận Thương hiệu quốc gia 4 năm liên tiếp (2011, 2012, 2013, 2014).
- 10 Cùng hàng ngàn bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố cho các tập thể, cá nhân xuất sắc trong toàn hệ thống BIDV.

B. Đánh giá ghi nhận của Đảng, Nhà nước, Chính phủ nước CHDCND Lào

- 1 Huân chương tự do hạng Nhì (2012), Huân chương Hữu nghị (2007).
- 2 Huân chương lao động hạng nhì (2002).
- 3 06 Huân chương hạng 3 và nhiều phần thưởng cao quý khác cho tập thể, cá nhân trong toàn hệ thống BIDV.
- 4 Huân chương Ixala (Độc lập) hạng Nhất của Nhà nước CHDCND Lào (2017)

C. Đánh giá ghi nhận của Chính phủ Campuchia

- 1 Huân chương Hoàng Gia hạng Nhất của Quốc vương Campuchia (2012).
- 2 Huân chương Monisaraphon hạng Mohasereivath của Quốc Vương Campuchia (2017).

D. Đánh giá ghi nhận của các tổ chức, định chế tài chính trong nước và quốc tế

Các giải thưởng của ADFIAP (Hiệp hội các định chế tài chính Phát triển Châu Á-Thái Bình Dương) trao tặng:

- 1
 - Tài trợ phát triển giảm nghèo 2004;
 - Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ 2005;
 - Phát triển kinh tế địa phương 2005.

- 2 Các giải thưởng về thanh toán quốc tế “Ngân hàng có chất lượng thanh toán qua SWIFT tốt nhất do AMEX, Bank of New York, Citibank và HSBC trao tặng (2001 – 2005).

- 3 UNDP xếp hạng là 1 trong 4 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (2007).
- 4 Finance Asia xếp BIDV trong top 100 ngân hàng của Châu Á (2007 và 2008).
- 5 Giải thưởng “Thương hiệu Mạnh Việt Nam” do Bộ Công Thương, Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng (2005, 2006, 2008, 2009).
- 6 Giao dịch phát hành trái phiếu nội tệ tốt nhất 2006 do tổ chức Finance Asia trao tặng; và Giao dịch tốt nhất Việt Nam 2009 do The Asset Triple A trao tặng.
- 7 “Ngân hàng Thanh toán quốc tế và quản lý tiền tệ tốt nhất 2010” do HSBC trao tặng.
- 8 Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2001 – 2005; giai đoạn 2006 – 2010 do Bộ Tài chính trao tặng.
- 9 Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ huy động vốn tốt nhất” và “Ngân hàng có dịch vụ tín dụng doanh nghiệp tốt nhất” do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và Báo Vietnamnet tổ chức bình chọn năm 2010.
- 10 Liên tục từ năm 2007 đến nay, BIDV được đánh giá và xếp hạng Nhất trong khối các NHTM tại Việt Nam về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam cùng Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá bình chọn.
- 11 Giải thưởng “Lãnh đạo Công nghệ Thông tin xuất sắc” khu vực Đông Dương năm 2009 và khu vực Đông Nam Á năm 2010, 2013.
- 12 Giải thưởng “Doanh nghiệp lớn ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả nhất” năm 2010 do Bộ Thông tin và Truyền thông trao tặng nhằm tôn vinh các tổ chức, doanh nghiệp xuất sắc của ngành công nghệ thông tin truyền thông Việt Nam và các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông hiệu quả.
- 13 Giải Sao Khuê 2011 cho sản phẩm phần mềm Cổng thanh toán chứng khoán trực tuyến (BIDV@Securities).
- 14 Giải thưởng “Ngôi sao chất lượng quốc tế 2011” do tổ chức Định hướng sáng kiến doanh nghiệp BID Quality Award (trụ sở tại Tây Ban Nha) trao tặng.
- 15 Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2012” do EuroMoney trao tặng.
- 16 Giải thưởng Nhân tài đất Việt năm 2012 cho “Hệ thống cổng thanh toán trực tuyến với các công ty chứng khoán – BIDV@ Securities”.
- 17 Giải thưởng “Ngân hàng của năm - “House of the year” do Asia Risk trao tặng trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017 và 2018 cho các tổ chức tài chính tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương cung cấp các sản phẩm phái sinh.
- 18 Đứng đầu các hạng mục trong chương trình Fixed Income Poll 2013 và FX Poll

2013, 2014, 2015 và 2016 do Asiamoney tổ chức bầu chọn, bao gồm:

- Ngân hàng cung cấp sản phẩm thị trường vốn nợ toàn diện xuất sắc nhất Việt Nam;
- Ngân hàng cung cấp sản phẩm về lãi suất toàn diện xuất sắc nhất tại Việt Nam;
- Ngân hàng chào bán sản phẩm thị trường vốn nợ và sản phẩm về lãi suất tốt nhất Việt Nam;
- Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh về tín dụng, lãi suất và hàng hóa tốt nhất Việt Nam;
- Ngân hàng có hoạt động nghiên cứu, phân tích và dự báo về kinh tế, thị trường tín dụng và lãi suất tốt nhất Việt Nam.
- Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các Định chế tài chính và các doanh nghiệp bầu chọn.
- Ngân hàng có sản phẩm và dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
- Ngân hàng có sản phẩm quyền chọn ngoại tệ tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
- Ngân hàng có thông tin nghiên cứu, phân tích dự báo thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.

19 Là Ngân hàng thương mại Việt nam đầu tiên nhận danh hiệu “Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí International Banker trao tặng (năm 2014).

20 Giải thưởng “Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt nam” do Tạp chí The Asian Banker trao tặng (năm 2014).

21 Giải thưởng “Ngân hàng Điện tử tiêu biểu 2014” do Hiệp hội ngân hàng Việt Nam phối hợp Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG tổ chức.

22 Giải thưởng “Ngân hàng Điện tử hàng đầu Việt nam” do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.

23 Giải thưởng “Ngân hàng điện tử được quan tâm nhất – MyEbank 2014” do VnExpress tổ chức.

24 Giải thưởng “Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí The Asian Banker trao tặng năm 2015, 2016, 2017, 2018 và 2019.

25 Giải thưởng “Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu nhất về Công nghệ và Vận hành” năm 2015 và 2016 do Tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng.

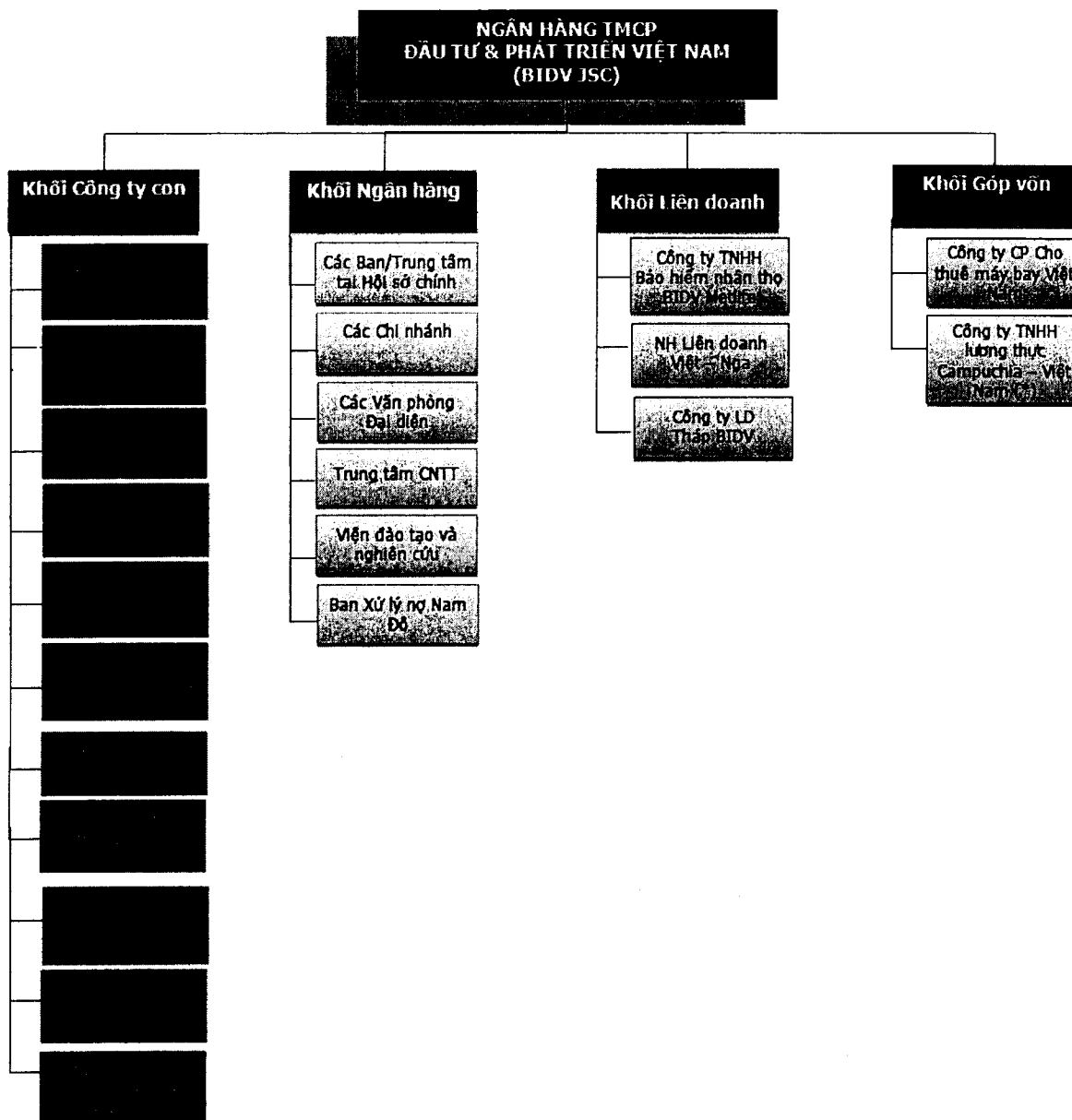
26 Danh hiệu Sao Khuê 2015 (xếp hạng phần mềm ưu việt 4 sao) đối với 02 chương trình phần mềm: Thanh toán hóa đơn online và Cổng trao đổi thông tin nộp thuế điện tử của BIDV do VINASA đánh giá, xếp hạng và công nhận đối với các sản phẩm dịch vụ xuất sắc, uy tín hàng đầu của ngành công nghệ phần mềm và dịch

- vụ CNTT Việt Nam.
- 27 Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ mua bán ngoại tệ tốt nhất Việt Nam” năm 2016 do Tạp chí Global Finance trao tặng
- 28 Giải thưởng “Tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam” và “Giao dịch phát hành trái phiếu bằng đồng nội tệ tốt nhất Việt Nam” năm 2016 do Tạp chí The Asset Trilpe A trao tặng.
- 29 Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ Xuất nhập khẩu tốt nhất Việt Nam năm 2017” do tạp chí Euro Money trao tặng.
- 30 Danh hiệu Sao Khuê 2018 đối với 02 sản phẩm BIDV iBank (Chương trình giao dịch ngân hàng điện tử dành cho khách hàng tổ chức) và BIDV IDM (Hệ thống quản lý ứng dụng tập trung tại BIDV) do VINASA đánh giá, xếp hạng và công nhận đối với các sản phẩm dịch vụ xuất sắc, uy tín hàng đầu của ngành công nghệ phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam. Đặc biệt, sản phẩm BIDV iBank đã lọt vào top 10 danh hiệu Sao Khuê năm 2018.
- 31 Ngân hàng thương mại có chỉ số sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT – TT (VietNam ICT Index) cao nhất trong khối các Ngân hàng tại Việt nam liên tục từ năm 2007 tới nay do Bộ Thông tin & Truyền thông phối hợp cùng Hiệp Hội tin học Việt Nam xếp hạng.
- 32 Giải thưởng “Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu nhất về Công nghệ và Vận hành” trong 3 năm (2015 - 2017) do Tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng.
- 33 Giải thưởng “Best SME Bank Vietnam 2018” do Tạp chí Global Banking and Finance Review (GBFR- Anh quốc) trao tặng
- 34 Giải thưởng “Best SME Bank Vietnam 2018” do tạp chí Alpha Southeast Asia (Hong Kong) bình chọn
- 35 Các giải “SME Bank of the year” và giải “Corporate Client Initiative of the Year” do Tạp chí Asian Banking & Finance (Singapore) trao tặng
- 36 Năm 2019: Giải thưởng “Ngân hàng SME tốt nhất” của Tạp chí Alpha Southeast Asia (Hong Kong) trao tặng
- 37 Năm 2019: Giải thưởng “Ngân hàng SME tiêu biểu Việt Nam” của Tạp chí Asian Banking & Finance (Singapore) trao tặng

Nguồn: BIDV

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV



Ghi chú: (*) Sở hữu gián tiếp qua công ty con

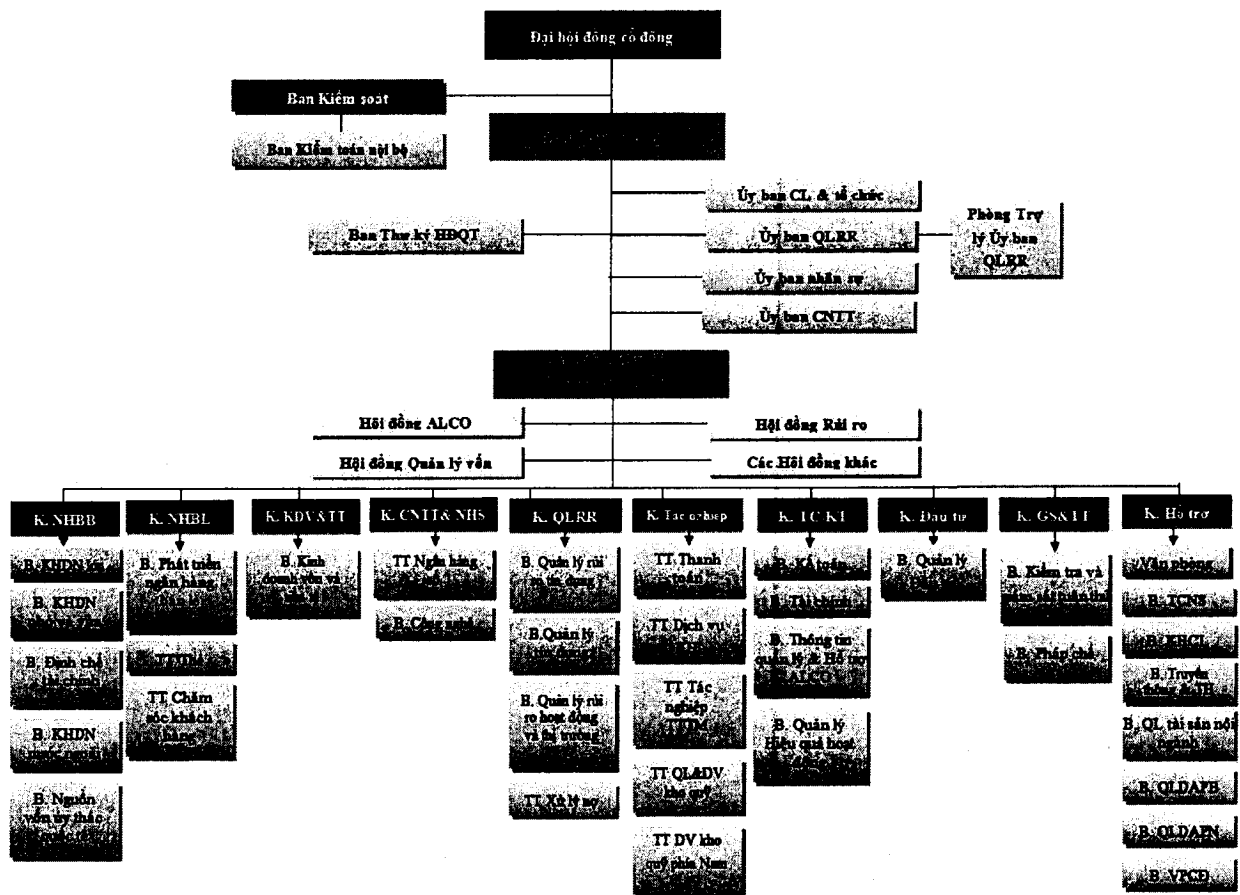
Tính đến thời điểm 30/09/2019, BIDV có mạng lưới như sau:

- ♦ **Khối ngân hàng:** Hội sở chính và 190 chi nhánh (bao gồm 189 chi nhánh tại Việt Nam và 1 chi nhánh nước ngoài), 871 Phòng Giao dịch (bao gồm 12 Phòng Giao dịch được cấp phép nhưng chưa đi vào hoạt động chính thức); Viện Đào tạo và nghiên cứu; Trung tâm Công nghệ Thông tin; các Văn phòng đại diện: VPĐD tại Thành phố Hồ Chí Minh, VPĐD tại Đà Nẵng, VPĐD tại Campuchia, VPĐD tại Lào, VPĐD tại Séc, VPĐD tại Đài Loan, VPĐD tại Nga.

- ❖ Khối công ty con gồm 11 đơn vị, gồm: Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (BAMC), Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC), Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (MHBS), Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Quốc tế (IID), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC), Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI), Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust (BSL), Ngân hàng liên doanh Lào-Việt (LVB), Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (CVS), Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI).
- ❖ Khối liên doanh gồm 03 đơn vị: Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB), Công ty liên doanh Tháp BIDV, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.
- ❖ Khối các đơn vị liên kết: Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC), Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV



3.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BIDV, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

3.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành BIDV, thực trạng tài chính BIDV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát BIDV gồm 03 thành viên.

3.3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị BIDV gồm 9 thành viên.

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của BIDV theo Điều Lệ của BIDV. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT.

Ban Tổng Giám đốc có các hội đồng là Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng rủi ro, Hội đồng tín dụng Trung ương và một số Hội đồng.

3.5. Các khối chức năng tại Hội sở chính:

Hội sở chính của BIDV được tổ chức theo 10 khối chức năng bao gồm:

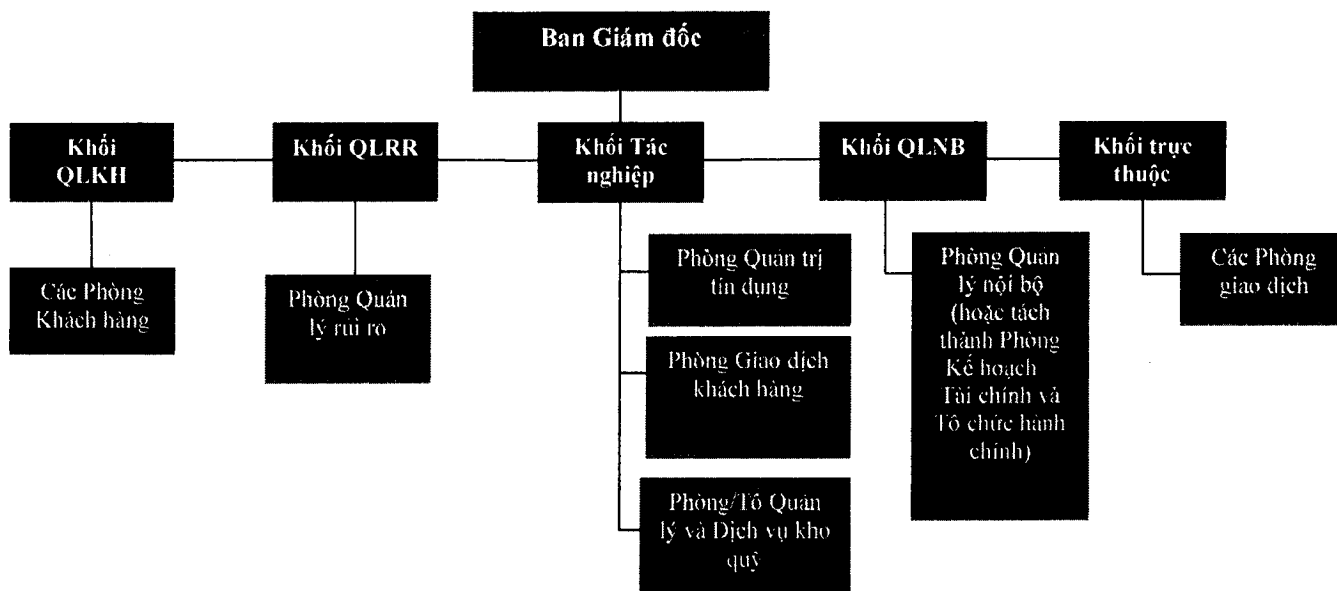
- ❖ Khối Ngân hàng bán buôn: Chịu trách nhiệm duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng là tổ chức. Cụ thể, khối này có trách nhiệm giới thiệu các sản phẩm tới các khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý khả năng sinh lợi của các sản phẩm này.
- ❖ Khối Ngân hàng bán lẻ: Chịu trách nhiệm đối với hoạt động marketing, phát triển và kinh doanh các sản phẩm được chuẩn hóa cho các khách hàng bán lẻ.
- ❖ Khối Kinh doanh vốn và tiền tệ: Chịu trách nhiệm thực hiện giao dịch kinh doanh vốn và tiền tệ phục vụ yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) cho Sở Ngân hàng, tiếp thị và trực tiếp giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn và tiền tệ với khách hàng và đơn vị kinh doanh trong nội bộ ngân hàng nhằm mục tiêu sinh lời và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- ❖ Khối Công nghệ thông tin và ngân hàng số: Chịu trách nhiệm phát triển các sản phẩm ngân hàng số hiện đại và quản lý hoạt động công nghệ thông tin của ngân hàng.
- ❖ Khối Quản lý rủi ro: Chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động tín dụng và các rủi ro khác mà ngân hàng có thể gặp phải. Khối này thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh tiềm năng được các khối kinh doanh khác đề xuất.
- ❖ Khối Tác nghiệp: Chịu trách nhiệm về các khoản thanh toán và thu chi trực tiếp, cụ thể: Thanh toán trong nước, chuyển tiền quốc tế và chuyển điện SWIFT; quản lý các khoản vay, dịch vụ khách hàng, dịch vụ kho quỹ và hoạt động tài trợ thương mại.

- ❖ **Khối Tài chính Kế toán:** Phụ trách thông tin về tài chính kế toán của ngân hàng và các công ty con, truyền tải thông tin quản lý về bộ phận kế toán Trụ sở chính và kế toán chung; quản lý tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm phân tích tài chính và giám sát.
- ❖ **Khối Đầu tư:** Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư của toàn hệ thống.
- ❖ **Khối Giám sát và tuân thủ:** Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của các đơn vị, bộ phận trong hệ thống BIDV và công tác pháp chế của ngân hàng.
- ❖ **Khối Hỗ trợ:** Thực hiện hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nói chung và tổng thể của ngân hàng.

3.6. Cấu trúc các chi nhánh

Tính đến 30/09/2019, BIDV có 190 chi nhánh (bao gồm 189 chi nhánh tại Việt Nam và 01 chi nhánh nước ngoài). Mô hình chi nhánh tại Việt Nam có cơ cấu tổ chức như sau:

Hình 3: Mô hình tổ chức các chi nhánh của BIDV

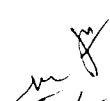


4. Danh sách công ty mẹ và công ty con của BIDV, những công ty mà BIDV đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với BIDV

4.1. Công ty mẹ của BIDV

Không có

4.2. Danh sách các công ty con của BIDV tại ngày 30/09/2019:



Bảng 3: Danh sách các công ty con tại thời điểm 30/09/2019

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ sở hữu của BIDV |
|-----|--|-----------------------|
| 1 | Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SuMi TRUST (“BSL”) | 50,00% |
| 2 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản BIDV (“BAMC”) | 100,00% |
| 3 | Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“BSC”) | 79,94% |
| 4 | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (“BIC”) | 51,00% |
| 5 | Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (“LVI”) (*) | 33,15% |
| 6 | Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (“MHBS”) | 60,00% |
| 7 | Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Quốc tế (“IIDC”) | 100,00% |
| 8 | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (“BIDC”) (*) | 98,50% |
| 9 | Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt (“LVB”) | 65,00% |
| 10 | Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (“CVS”) (*) | 98,50% |
| 11 | Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (“CVI”) (*) | 50,23% |

(*) Sở hữu gián tiếp thông qua công ty con

Nguồn: BIDV

4.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV tại ngày 30/09/2019**Bảng 4: Danh sách các công ty liên doanh liên kết tại thời điểm 30/09/2019**

| STT | Tên Công ty | Tỷ lệ sở hữu của BIDV |
|------------------------------|---|-----------------------|
| I. Công ty liên doanh | | |
| 1 | Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga (“VRB”) | 50,00% |
| 2 | Công ty liên doanh Tháp BIDV (“BIDV Tower”) | 55,00% |
| 3 | Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife (“BML”) | 37,55% |
| II. Công ty liên kết | | |
| 1 | Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (“VALC”) | 18,52% |
| 2 | Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam (“Cavifood”) (*) | 33,00% |

(*) Sở hữu gián tiếp thông qua công ty con

Nguồn: BIDV

4.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối BIDV.

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của BIDV

Vốn điều lệ khi BIDV chuyển sang hoạt động theo hình thức ngân hàng cổ phần là 23.011.705.420.000 đồng. Từ đó đến nay, BIDV đã thực hiện tăng vốn 03 lần với chi tiết như sau:

Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 23.011.705.420.000 đồng lên 28.112.026.440.000 đồng

- ❖ Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu
- ❖ Số vốn điều lệ tăng thêm: 5.100.321.020.000 đồng
- ❖ Nguồn tăng vốn:
 - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại: 1.041.849.090.000 đồng
 - Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 4.058.471.930.000 đồng
- ❖ Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 25/06/2013
- ❖ Tỷ lệ phân bổ quyền:
 - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 4,52784%
 - Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 17,63655%
- ❖ Giá phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần
- ❖ Ngày phát hành: 05/07/2013
- ❖ Kết quả phát hành: phát hành thêm 510.032.102 cổ phần trong đó
 - Số cổ phần phát hành để trả cổ tức: 104.184.909 cổ phần
 - Số cổ phần phát hành thêm thành công: 405.847.193 cổ phần
- ❖ Vốn điều lệ sau khi phát hành: 28.112.026.440.000 đồng
- ❖ Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: 06/08/2013

Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 28.112.026.440.000 đồng lên 31.481.237.440.000 đồng

- ❖ Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long



- ❖ Số vốn điều lệ tăng thêm: 3.369.211.000.000 đồng
- ❖ Nguồn tăng vốn:
 - Phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- ❖ Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 08/05/2015
- ❖ Tỷ lệ hoán đổi: 1:1
- ❖ Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Kết quả phát hành: phát hành thêm 336.921.100 cổ phiếu để hoán đổi với 336.921.100 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- ❖ Vốn điều lệ sau khi phát hành: 31.481.237.440.000 đồng
- ❖ Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: 22/05/2015

Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 31.481.237.440.000 đồng lên 34.187.153.340.000 đồng

- ❖ Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- ❖ Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tỷ lệ thực hiện quyền: 8,595329% (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 100 quyền được mua 8,595329 cổ phiếu mới)
- ❖ Ngày chốt danh sách cổ đông: 18/08/2015
- ❖ Số vốn điều lệ tăng thêm: 2.705.915.900.000 đồng
- ❖ Ngày hoàn thành đợt chào bán và báo cáo UBCKNN: ngày 29/09/2015
- ❖ Vốn điều lệ sau khi phát hành: 34.187.153.340.000 đồng
- ❖ Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Số tiền thu được từ đợt chào bán đã được BIDV sử dụng theo đúng phương án được nêu tại Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2015.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của BIDV

Các hoạt động kinh doanh chính của BIDV bao gồm:

- ❖ Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

- ❖ Hoạt động ngân hàng bán lẻ, tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;
- ❖ Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

6.1.1. Hoạt động huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

BIDV thực hiện huy động vốn trên cơ sở các nguyên tắc: (i) Tuân thủ quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ và quy định lãi suất của NHNN trong từng thời kỳ; (ii) Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên gửi tiền và BIDV theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; (iii) Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết với khách hàng, các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản của khách hàng và ngân hàng trong huy động vốn; (iv) Gắn liền với sử dụng vốn đảm bảo mục tiêu an toàn và hiệu quả phù hợp với định hướng của HĐQT trong từng thời kỳ.

BIDV thực hiện huy động vốn theo nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng với các đặc điểm khác nhau: huy động vốn từ cá nhân, tổ chức kinh tế, định chế tài chính phi tín dụng qua các sản phẩm tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá; huy động vốn từ nguồn ủy thác của các tổ chức trong nước, nước ngoài; vay tổ chức tín dụng trong nước, nước ngoài... Đồng thời, với định hướng phát triển ngân hàng hiện đại hội nhập quốc tế, BIDV cũng đã triển khai nhiều sản phẩm huy động vốn ứng dụng công nghệ cao, mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

Các sản phẩm tiền gửi tiêu biểu hiện tại bao gồm:

- ❖ *Tiền gửi thanh toán*: dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán mở tại Ngân hàng với mục đích gửi, giữ tiền hoặc thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng bằng các phương tiện thanh toán. Tài khoản thanh toán có nhiều dịch vụ tiện ích: dịch vụ thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử, chuyển tiền ...
- ❖ *Tài khoản thanh toán đặc biệt*: Tiền gửi chuyên dùng đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi vốn đầu tư ra nước ngoài; Tiền gửi ký quỹ; Tiền gửi chuyên thu; Tiền gửi thanh toán chuyên dùng.
- ❖ *Tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn dành cho khách hàng với mức lãi suất hấp dẫn. Một số sản phẩm tiền gửi kỳ hạn BIDV cung cấp:
 - Sản phẩm tiền gửi thông thường; Tiết kiệm BIDV;
 - *Tiền gửi Online*: là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn được mở qua dịch vụ BIDV Online/BIDV Smartbanking;

- *Nhóm sản phẩm tiền gửi tích lũy:* Là sản phẩm tiền gửi kỳ hạn, khách hàng có thể gửi định kỳ hoặc gửi theo nhu cầu của khách hàng nhằm tích lũy cho nhu cầu tương lai, sản phẩm tiền gửi: Tích lũy trẻ em “Lớn lên cùng yêu thương”, Tiền gửi Tích lũy Bảo An; Tiết kiệm tích lũy hưu trí; Tiền gửi tích lũy cho khách hàng doanh nghiệp;....
- *Tiền gửi như ý:* Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn mà khách hàng có thể lựa chọn kỳ hạn gửi tiền theo ngày phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn nhằm tối đa lợi ích cho khoảng thời gian vốn nhàn rỗi.

Nguồn vốn huy động của BIDV bao gồm:

- ❖ Tiền gửi và vay từ NHNN và Bộ tài chính
- ❖ Tiền gửi và vay các TCTD khác
- ❖ Tiền gửi của khách hàng
- ❖ Phát hành giấy tờ có giá, phát hành trái phiếu tăng vốn

Bảng 5: Nguồn vốn huy động trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2016 | | 31/12/2017 | | 31/12/2018 | | 30/09/2019 | |
|---|----------------|--------------|------------------|--------------|------------------|---------------|------------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN | 43.392 | 4,67 | 77.535 | 6,96 | 105.297 | 8,67 | 94.246 | 7,15 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 92.499 | 9,96 | 91.979 | 8,26 | 79.198 | 6,52 | 89.487 | 6,79 |
| Tiền gửi của khách hàng | 726.022 | 78,19 | 859.985 | 77,25 | 989.671 | 81,51 | 1.084.798 | 82,30 |
| Phát hành giấy tờ có giá, Trái phiếu tăng vốn | 66.642 | 7,18 | 83.738 | 7,52 | 39.991 | 3,29 | 49.544 | 3,76 |
| Tổng cộng | 928.555 | 100 | 1.113.237 | 100 | 1.214.157 | 100,00 | 1.318.075 | 100,00 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

- ❖ Tiền gửi của khách hàng

Bảng 6: Cơ cấu tiền gửi khách hàng trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019

| STT | Khoản mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|-----|---|----------------|----------------|----------------|------------------|
| | Tổng tiền gửi khách hàng (tỷ đồng) | 726.022 | 859.985 | 989.671 | 1.084.798 |
| 1 | Phân theo khách hàng (%) | 100,00 | 100,00 | 100,00 | |
| | Dân cư | 54,36 | 54,60 | 57,83 | N/A |
| | Tổ chức kinh tế, đối trọng khác | 45,64 | 45,40 | 42,17 | N/A |
| 2 | Phân theo kỳ hạn (%) | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| | Không kỳ hạn | 17,21 | 18,63 | 16,35 | 14,75 |
| | Tiền gửi có kỳ hạn | 82,12 | 80,71 | 82,86 | 84,68 |
| | Tiền gửi vốn chuyên dụng | 0,68 | 0,66 | 0,79 | 0,57 |
| 3 | Phân theo loại tiền (%) | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| | VND | 94,19 | 94,08 | 94,51 | 95,46 |
| | Ngoại tệ | 5,81 | 5,92 | 5,49 | 4,54 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

Về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 30/09/2019, tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng đạt 904.553 tỷ đồng, tăng 97.607 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018, tương đương mức tăng trưởng 12,10%.

Bảng 7: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|--------------------------|----------------|----------------|----------------|------------------|
| Không kỳ hạn | 124.927 | 160.200 | 161.859 | 159.979 |
| Có kỳ hạn | 596.174 | 694.092 | 820.032 | 918.656 |
| Tiền gửi vốn chuyên dụng | 4.921 | 5.692 | 7.779 | 6.163 |
| Tổng | 726.022 | 859.985 | 989.671 | 1.084.798 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

Tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của BIDV (trên 90%). Tại 30/09/2019, tổng tiền gửi nội tệ là 1.036.537 tỷ đồng, tăng 100.277 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018, tương đương mức tăng trưởng 10,71%.

Bảng 8: Huy động Tiền gửi khách hàng theo đồng tiền trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|-------------|----------------|----------------|----------------|------------------|
| VND | 683.871 | 809.067 | 935.385 | 1.036.537 |
| Ngoại tệ | 42.151 | 50.918 | 54.286 | 29.928 |
| Tổng | 726.022 | 859.985 | 989.671 | 1.066.465 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

6.1.2. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Tại thời điểm 30/09/2019, BIDV có tổng dư nợ tín dụng cho vay khách hàng tổ chức kinh tế và dân cư đạt 1.073.511 tỷ đồng. BIDV hiện là một trong những ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn nhất tại Việt Nam. Thu nhập từ hoạt động cho vay chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu thu nhập của BIDV.

❖ Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng bình quân năm của BIDV giai đoạn 2016 – 2018 là 16,9%. Trong 9 tháng đầu năm 2019, tăng trưởng tín dụng của BIDV đạt mức 8,6%. Mục tiêu của BIDV giai đoạn này và trong giai đoạn tiếp theo là kiểm soát và quản lý chất lượng tín dụng, chuyển dịch cơ cấu tín dụng, nền khách hàng. Tăng trưởng tín dụng BIDV được kiểm soát chặt chẽ gắn với chất lượng tín dụng. Tăng trưởng tín dụng theo đúng yêu cầu của HĐQT BIDV và đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN.

Bảng 9: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn 2017 – 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2017 | | 2018 | | 30/09/2019 | |
|--------------|---------|--------------|---------|--------------|------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 502.852 | 58,01 | 611.217 | 61,82 | 675.381 | 62,91 |
| Nợ trung hạn | 81.746 | 9,43 | 71.539 | 7,24 | 69.055 | 6,43 |

| Chỉ tiêu | 2017 | | 2018 | | 30/09/2019 | |
|-------------|----------------|--------------|----------------|--------------|------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ dài hạn | 282.287 | 32,56 | 305.983 | 30,95 | 329.075 | 30,65 |
| Tổng | 866.885 | 100 | 988.739 | 100 | 1.073.511 | 100 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, BCTC hợp nhất quý III/2019

◆ **Chất lượng nợ cho vay**

BIDV định hướng chú trọng quan hệ tín dụng đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, hạn chế cho vay khách hàng nhóm 2 và không cho vay những khách hàng ở nhóm nợ xấu. Danh mục tín dụng được rà soát thường xuyên để phát hiện kịp thời các khách hàng có biểu hiện yếu kém về tài chính và có tình hình đột biến, có nguy cơ không trả được nợ để chuyển xuống nhóm nợ xấu và đồng thời có biện pháp, kế hoạch xử lý.

Tỷ lệ nợ xấu của BIDV trong giai đoạn 2017- 9/2019 ở mức dưới 3% do BIDV đã thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời. Tại thời điểm 30/09/2019, tỷ lệ nợ xấu của BIDV là 2.09%. Phân loại nợ của BIDV theo chất lượng tại cuối kỳ kế toán như sau:

Bảng 10: Phân loại nợ cho vay theo chất lượng

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2017 | | 2018 | | 30/09/2019 | |
|------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 822.298 | 94,86 | 946.912 | 95,76 | 1.023.944 | 95,38 |
| Nợ cần chú ý | 30.523 | 3,52 | 23.025 | 2,33 | 27.130 | 2,53 |
| Nợ dưới tiêu chuẩn | 3.750 | 0,43 | 5.450 | 0,55 | 4.102 | 0,38 |
| Nợ nghi ngờ | 5.084 | 0,59 | 6.182 | 0,63 | 6.140 | 0,57 |
| Nợ có khả năng mất vốn | 5.230 | 0,60 | 7.170 | 0,73 | 12.194 | 1,14 |
| Tổng cộng | 866.885 | 100 | 988.739 | 100 | 1.073.511 | 100 |
| Nợ xấu | 14.064 | 1,62 | 18.802 | 1,91 | 22.436 | 2,09 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, BCTC hợp nhất quý III/2019

Từ thời điểm 01/06/2014, BIDV thực hiện việc phân loại nợ đồng thời theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 của Thông tư 02/2013/TT-NHNN (sau đây gọi là “Thông tư 02”)

và phương pháp định tính quy định tại Điều 11 của Thông tư này bằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Đối với các khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng tín dụng nội bộ, BIDV thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Tại thời điểm 30/09/2019, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng tổ chức kinh tế và dân cư của BIDV là 2,09%; 95,38% dư nợ thuộc nhóm nợ đủ tiêu chuẩn, tỷ lệ nhóm nợ cần chú ý ở mức 2,53%.

BIDV đang từng bước chuẩn bị các điều kiện để áp dụng Basel II. Về khung quản lý rủi ro, BIDV đã ban hành quy định về khung quản lý rủi ro bao gồm: (i) xây dựng chiến lược quản lý rủi ro và hoàn thiện chính sách, quy trình quản lý rủi ro theo từng loại rủi ro; (ii) xác định khẩu vị rủi ro; (iii) tạo lập được cơ cấu tổ chức hướng dẫn theo thông lệ quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro. Mặt khác, BIDV đang tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, hoàn thiện công cụ quản lý chất lượng như hệ thống các công cụ đo lường rủi ro, hệ thống khởi tạo khoản vay (CROMS),..

Bảng 11: Dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2017 – 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| Thời điểm | Dư phòng cụ thể | Dư phòng chung | Tổng cộng |
|------------|-----------------|----------------|-----------|
| 31/12/2017 | 5.077 | 6.273 | 11.350 |
| 31/12/2018 | 5.289 | 7.116 | 12.405 |
| 30/09/2019 | 7.487 | 7.862 | 17.540 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, BCTC hợp nhất quý III/2019

❖ **Hoạt động bảo lãnh**

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng và là thế mạnh của BIDV. Tại thời điểm 30/09/2019, số dư bảo lãnh của BIDV đạt 218.601 tỷ đồng.

6.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động thanh toán

Trong giai đoạn 2006 đến nay, hoạt động kinh doanh ngoại hối của BIDV đã đạt được nhiều kết quả khả quan, và đạt được các thành tích như: Giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất (2007-2009 và 2013-2016); Giải thưởng “Ngân hàng cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Global Finance bình chọn năm 2017; Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất” do Asian Banking & Finance bình chọn năm 2018 và 2019; 06 lần nhận giải thưởng Ngân hàng của Năm Việt Nam về quản trị rủi ro và kinh doanh các sản phẩm phái sinh trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017 và 2018 do tạp chí AsiaRisk trao tặng; Giải thưởng ADFIAP do Hiệp hội các Định chế Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng năm 2007; Giải thưởng của tạp chí Asia Money 4 năm liên tiếp (2013-2016) dành cho Ngân hàng nội địa có hoạt động phái sinh lãi suất tốt nhất và Ngân hàng nội địa có hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh hàng hóa tốt nhất; Ngân hàng nội địa có hoạt động nghiên cứu và phân tích tỷ giá, lãi suất tốt nhất năm 2013, 2014, 2015, 2016 và nhiều giải thưởng quốc tế danh giá khác.

Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2016 – 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2016 | 2017 | 2018 | 30/09/2019 |
|-------------------------------------|------|------|-------|------------|
| Lãi thuần từ hoạt động KD ngoại hối | 534 | 668 | 1.040 | 1.077 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

❖ Dịch vụ ngoại hối

BIDV cung cấp dịch vụ mua bán ngoại tệ với các sản phẩm: mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và quyền chọn ngoại tệ với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau (tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế, khách hàng cá nhân...). BIDV luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu khách hàng bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của ngân hàng như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động tiền gửi bằng ngoại tệ...; đồng thời, đưa hoạt động kinh doanh ngoại tệ trở thành hoạt động có đóng góp lớn trong tổng thu nhập dịch vụ tại BIDV.

❖ Dịch vụ phái sinh

BIDV bắt đầu triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống từ cuối năm 2006. Hiện BIDV là ngân hàng Việt Nam tiên phong trong việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa trên thị trường Việt Nam và được các ngân hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao. Từ chỗ bắt đầu với một vài sản phẩm cơ bản năm 2006, đến nay BIDV đã triển khai hơn 20 sản phẩm phái sinh khác nhau trong 02 mảng phái sinh bao gồm phái sinh tài chính và phái sinh hàng hóa như hoán đổi lãi suất một đồng tiền, hoán đổi tiền tệ chéo, đầu tư cơ cấu, hàng hóa tương lai, hoán đổi giá cả hàng hóa, phái sinh hàng hóa OTC... Các sản phẩm phái sinh đa dạng đã mang lại lợi ích rất lớn cho khách hàng, càng khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường. Vì vậy, BIDV được các tạp chí uy tín trên thế giới đánh giá rất cao với 6 lần (2012-2015, 2017 và 2018) giành giải thưởng “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam – House of the year, Vietnam” của tạp chí tài chính uy tín Asia Risk và 4 lần liên tiếp (2013-2016) được Tạp chí AsiaMoney bình chọn là “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam do khách hàng bình chọn”.

❖ Hoạt động thanh toán

Hoạt động thanh toán (bao gồm thanh toán trong nước, thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập khẩu) là một trong ba dòng sản phẩm đóng góp chính trong tổng thu dịch vụ BIDV. Tỷ trọng của mảng dịch vụ thanh toán trong tổng thu dịch vụ của BIDV trong giai đoạn 2016 – 2018 đều chiếm trên 40% tổng thu dịch vụ của BIDV. BIDV cung cấp hàng trăm sản phẩm dịch vụ cho đối tượng khách hàng là cá nhân, tổ chức và định chế tài chính. Doanh thu từ dịch vụ thanh toán của BIDV đạt 2.375,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 46% thu dịch vụ ròng toàn hệ thống. 09 tháng đầu năm 2019 doanh thu từ dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế đạt 18.035.020 tỷ VND tăng 31,80%, số lượng giao dịch đạt 32.502.761 tăng 19%, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đạt hơn 24 triệu USD tăng 11,75% so với cùng kỳ năm 2018.

- o Dịch vụ Thanh toán trong nước

Đây là dịch vụ thế mạnh của BIDV, được hỗ trợ bởi hệ thống các kênh thanh toán đa dạng, tốc độ xử lý nhanh, an toàn và bảo mật. Ngoài việc tham gia các kênh thanh toán do NHNN tổ chức như thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), BIDV còn chủ động xây dựng chương trình kết nối thanh toán song phương/đa phương với 37 đối tác là các NHTM, các định chế tài chính, trong đó kết nối giao dịch 24h/7 ngày với NH Công Thương, NH Nông Nghiệp. Đặc biệt, Chương trình hạch toán tự động điện trong nước đến - IMAP xử lý tập trung 100% điện đến của toàn hệ thống BIDV, bình quân xử lý trên 1.7 triệu điện/tháng, tỷ lệ xử lý tự động hoàn toàn lên đến hơn 95%. Năm 2016, BIDV đã vinh dự nhận giải thưởng Sao Khuê với “Chương trình xử lý điện chuyển tiền đến nhanh từ các ngân hàng khác tới BIDV-IMAP” và sản phẩm “Robotic thanh toán bảng kê” năm 2019; giải Bạc hạng mục khu vực tư nhân Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông AICTA (ASEAN ICT Awards) với “Chương trình Thanh toán đa phương”. Hơn thế, BIDV ngân hàng quyết toán bù trừ duy nhất cho các giao dịch nội địa thẻ Master tại Việt Nam.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ thanh toán truyền thống, để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, BIDV đã triển khai các kênh giao dịch hiện đại như Internet/Mobile banking/Smartbanking và ngày càng khẳng định thương hiệu của mình trong việc đón đầu xu thế cung cấp dịch vụ Nộp thuế điện tử, Thanh toán hóa đơn Online, Thu chi hộ điện tử, Quản lý dòng tiền ưu việt, chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7, chuyển tiền qua số điện thoại, thu ngân sách qua POS, nộp thuế Hải quan điện tử 24/7. Các sản phẩm dịch vụ này không chỉ được khách hàng đánh giá cao mà còn được các Tổ chức uy tín trong và ngoài nước công nhận danh hiệu như: giải thưởng “Đột phá trong cải cách thủ tục hành chính” do Thời báo kinh tế Việt nam tổ chức; giải thưởng Sao Khuê 2015 với Thanh toán hóa đơn Online (xếp hạng 4 sao); giải thưởng ở hạng mục “Công nghệ và vận hành” 2015 với sản phẩm Cổng kết nối thu thuế điện tử; giải thưởng Ngân hàng điện tử tiêu biểu 2015 của IDG; và giải thưởng Sao Khuê 2016 với “Chương trình xử lý điện chuyển tiền đến nhanh từ các ngân hàng khác tới BIDV-IMAP”; giải Bạc hạng mục khu vực tư nhân Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông AICTA (ASEAN ICT Awards) với “Chương trình Thanh toán đa phương”; giải thưởng “Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu nhất” năm 2017 và giải thưởng “Sản phẩm dịch vụ Sáng tạo độc đáo” với sản phẩm BIDV Smart Banking (ứng dụng thanh toán qua điện thoại di động) do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG) bình chọn, giải thưởng Top 10 Sao Khuê với sản phẩm BIDV iBank và 02 giải thưởng bởi tạp chí The Asian Banker: “Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng giao dịch tốt nhất Việt Nam” năm 2018, NH bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2019 (5 năm liên tiếp: 2015, 2016, 2017, 2018, 2019) do Tạp chí The Asian Banker bình chọn, Top 10 sản phẩm dịch vụ được người tiêu dùng tin tưởng bình chọn và Top 100 sản phẩm dịch vụ Tin & Dùng 2018 -BIDV SmartBanking do Thời báo Kinh tế Việt nam bình chọn.

- o Dịch vụ thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập khẩu

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thanh toán xuất nhập khẩu, là 1 trong 3 ngân hàng có hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu lớn nhất tại Việt Nam. BIDV cung cấp đầy đủ các sản phẩm thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập khẩu truyền thống, đồng thời không ngừng phát triển các sản phẩm mới, chú trọng tăng tính tiện ích, giảm thiểu hồ sơ thủ tục và thời gian xử lý, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của Khách hàng. Với mạng lưới hơn 1.000 ngân hàng đại lý, giao dịch tài khoản trực tiếp với khoảng 50 ngân hàng trên toàn thế giới và nền tảng công nghệ hiện đại đã mang lại khả năng thanh toán an toàn, chính xác và nhanh chóng.

Hoạt động thanh toán quốc tế của BIDV được xử lý tự động ở mức cao và hàng năm được nhiều ngân hàng đại lý đánh giá cao với các giải thưởng như: STP award for International payment (từ 2013-2018) của ngân hàng Bank of New York Mellon, STP award for International payment (2018) của ngân hàng Standard Charter Bank, Quality recognition award (2009-2018) của JP Morgan Chase Bank, Operational excellence award (2014-2018) của Wells Fargo Bank, US Dollar Payments Straight Through Processing Excellence Award (2018) của Citi Bank, NH nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ XNK tốt nhất Việt Nam năm 2017 do Tạp chí Euromoney bình chọn, NH đối tác hàng đầu tại Việt Nam do NH Phát triển Châu Á (ADB) bình chọn. BIDV thực hiện kết nối nhận và xử lý điện chuyên tiền qua swift 24/7, điện swift về được xử lý tập trung với tỷ lệ tự động lên đến trên 85%.

Trên cơ sở nền tảng kinh nghiệm trong lĩnh vực thanh toán quốc tế, trong năm 2018 BIDV đã triển khai thành công các dự án lớn: (1) HUB SW cho các liên doanh góp vốn trong và ngoài nước về trụ sở BIDV tại Việt Nam; (2) Triển khai Swift GPI với 3 vai trò là ngân hàng gửi điện, ngân hàng trung gian và ngân hàng nhận điện. Điểm khác biệt của BIDV với các Ngân hàng Việt Nam đã triển khai Swift GPI là BIDV đã sử dụng phương thức kết nối API với hệ thống Swift để đồng bộ tức thời trạng thái xử lý điện trên từ hệ thống Swift về hệ thống các chương trình nội bộ của BIDV; (3) Kết nối API với Công ty chuyển tiền nhanh Western Union.

Hoạt động tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế, chuyển tiền của BIDV được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức Quacert và được kiểm soát theo Mục tiêu chất lượng công bố công khai về thời gian thực hiện và sự hài lòng của khách hàng.

Bảng 13: Kết quả hoạt động thanh toán trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019

| Chi tiêu | 2016 | | 2017 | | 2018 | | 30/09/2019 | |
|---|---------|-----------------------------|---------|-----------------------------|---------|-----------------------------|------------|--|
| | Giá trị | Tăng trưởng so với 2015 (%) | Giá trị | Tăng trưởng so với 2016 (%) | Giá trị | Tăng trưởng so với 2017 (%) | Giá trị | Tăng trưởng so với 09 tháng đầu năm 2018 (%) |
| Thanh toán trong nước và quốc tế | | | | | | | | |
| Số lượng giao dịch (triệu) | 22,60 | 27,68 | 29,97 | 32,30 | 38,7 | 27,8 | 32,50 | 19,00 |
| Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng) | 13.705 | 26,83 | 16.973 | 23,80 | 18.878 | 8,4 | 18.035 | 31,80 |
| Thanh toán xuất nhập khẩu | | | | | | | | |
| Doanh số thanh toán XNK (tỷ USD) | 21,62 | 27,05 | 25,76 | 19,15 | 29,081 | 14,5 | 24,34 | 11,75 |

Nguồn: BIDV

6.1.4. Hoạt động ngân hàng đại lý

BIDV là ngân hàng thương mại đã có hơn 25 năm kinh nghiệm quản lý các nguồn vốn ủy thác nước ngoài của các tổ chức tài chính quốc tế WB, ADB, EIB, NIB... và Chính phủ các nước Nga, Đức, Thụy Sĩ, Pháp... BIDV được các Nhà tài trợ, các Bộ ngành tin tưởng giao phục vụ nhiều nguồn vốn thuộc các lĩnh vực khác nhau như giáo dục, giao thông, nước sạch, điện lực, y tế, thích ứng với biến đổi khí hậu... trong đó có những chương trình/dự án lớn như Chương trình hỗ trợ khắc phục khủng hoảng CSF nguồn ADB; Chương trình Cải cách ngành điện giai đoạn 1 (DPL1), Dự án Năng lượng tái tạo (REDP), Dự án Hiệu quả tiết kiệm năng lượng (VEEIEs), Dự án tài chính nông thôn (TCNT) nguồn WB. Với ưu thế trong lĩnh vực tín dụng đầu tư, hệ thống chi nhánh rộng khắp cả nước, đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp trong phục vụ, cho vay lại các nguồn vốn ủy thác nước ngoài cùng khả năng cung cấp nhiều dịch vụ ngân hàng đa dạng có thể hỗ trợ quá trình thực hiện các chương trình/dự án đạt kết quả cao, BIDV là cầu nối hiệu quả cho dòng vốn vay nước ngoài của Chính phủ, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các chương trình/dự án thành công.

6.2. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, hiện tại BIDV đang triển khai các dự án sau:

Bảng 14: Một số dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai đến thời điểm 30/09/2019

| STT | Tên dự án/công trình | Địa điểm | Tình hình triển khai |
|-----|--|--|--|
| 1 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Sa Pa | Số 20 đường Ngũ Chi Sơn, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai | Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình. |
| 2 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Cẩm Phả | Số 204 đường Trần Phú, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh | Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình. |
| 3 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Bắc Quảng Bình | 368 Quang Trung - Phường Ba Đồn - Thị xã Ba Đồn - Quảng Bình | Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình. |
| 4 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Hạ Long | Số 74 Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long, Quảng Ninh | Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình. |
| 5 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Lam Sơn | Đường Phan Chu Trinh TP Thanh Hóa | Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình. |
| 6 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Kỳ Anh | Xã Kỳ Tân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh | Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công. |
| 7 | Trụ sở làm việc Chi | Đường Trần Phú, phường | Đang thẩm định dự án đầu |

| | | | |
|----|---|---|--|
| | nhánh Tam Điệp | Bắc Sơn, TP Tam Điệp, Ninh Bình | tư xây dựng công trình. |
| 8 | Trụ sở Chi nhánh mới trên địa bàn tỉnh Nam Định | Lô 19-1-1, đường Đông A, khu đô thị Hòa Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định | Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |
| 9 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Hưng Yên | Số 240, đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, Thành phố Hưng Yên | Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |
| 10 | Trụ sở làm việc PGD Tiền Trung, CN Hải Dương | KM 59 QL5, xã Ái Quốc, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương | Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |
| 11 | Trụ sở làm việc PGD Hải Hà, CN Móng Cái | phố Phan Đình Phùng, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh | Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |
| 12 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Đồng Tháp | 12A Đường 30/4 P1 Đồng Tháp | Đang tổ chức thiết kế bản vẽ thi công, lập tổng dự toán xây dựng công trình. |
| 13 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Quy Nhơn | 399-403 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định | Đang thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán. |
| 14 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Hội An | 86 Trần Hưng Đạo, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam | Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công. |
| 15 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Sài Gòn | 271 An Dương Vương, TP HCM | Đang thi công, hoàn thiện công trình. |
| 16 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa | 56-62 Nam Kỳ Khởi nghĩa, Q1, TP HCM | Thi công xây dựng và lắp đặt hệ thống M&E. |
| 17 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Bà Rịa | 25 Phường Phương Trung, Bà Rịa Vũng Tàu | Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |
| 18 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Phú Quốc | KP5, TT Dương Đông, Phú Quốc | Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |
| 19 | Trụ sở làm việc Chi nhánh Cà Mau | Đường An Dương Vương, P7, Cà Mau | Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 20 | Trụ sở PGD Ba Tri, CN Đồng Khởi. | 11 Nguyễn Đình Chiểu, TT Ba Tri, Bến Tre | Đang thi công xây dựng công trình. |
| 21 | Trụ sở làm việc PGD AyunPa – Chi nhánh Phố Núi | Phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Đang kiểm toán hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |
| 22 | Trụ sở làm việc PGD Đức Cơ – Chi nhánh Nam Gia Lai | Đường Quang Trung - Tổ dân phố 2 - TT. Chư Ty - huyện Đức Cơ - tỉnh Gia Lai | Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |
| 23 | Trụ sở làm việc PGD Đắk Song – Chi nhánh Đắk Nông | Tổ dân phố 3 thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông | Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công. |
| 24 | Trụ sở làm việc PGD Đắk Mil – Chi nhánh Đắk Nông | Số 38 Nguyễn Tất Thành- TT Đắk Mil- Huyện Đắk Mil- Tỉnh Đắk Nông | Đang lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. |
| 25 | Trụ sở làm việc PGD Hùng Vương – Chi nhánh Phố Núi | Số 90 Hùng Vương, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai | Đang thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật. |
| 26 | Trụ sở làm việc PGD Phan Đình Phùng – Chi nhánh Kon Tum | Số 752 Phan Đình Phùng, P. Quang Trung, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum | Đang thi công phần thân |
| 27 | Trụ sở làm việc PGD Chợ mới, CN An Giang | Thị trấn Chợ Mới, Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang | Đang lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. |
| 28 | Trụ sở làm việc PGD Thanh Hà, CN Bắc Quảng Bình. | Quốc lộ 1a, Xã Thanh Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình. | Đang thi công phần thô. |
| 29 | Trụ sở làm việc PGD Đê Thám, CN Cao Bằng. | Lô số 3 khu đô thị mới Phường Đê Thám, Thành Phố Cao Bằng | Đang thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật. |
| 30 | Trụ sở PGD Cầu Giát, CN Phú Diễn | Khối 5, Thị trấn Cầu Giát, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An. | Đang thi công phần hoàn thiện. |

| | | | |
|----|---|--|--|
| 31 | Trụ sở PGD Cầu kè, CN Trà Vinh | Đường 30/4, Khóm 1, TT Cầu Kè, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh | Đang lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. |
| 32 | Trụ sở làm việc PGD Eaknốp – Chi nhánh Đông Đắk Lắk | Khóm 3 - Thị trấn Eaknốp - Huyện Eakar - Tỉnh Đắk Lắk | Đang kiểm toán hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành. |

Nguồn: BIDV

Bảng 15: Một số dự án đầu tư công nghệ chính đang thực hiện đến thời điểm 30/09/2019

| STT | Tên dự án/Nội dung | Tình hình triển khai |
|-----|---|---|
| 1 | Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking | |
| - | Hạng mục: Mua sắm, triển khai hệ thống phần mềm Corebanking thuộc Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking | Dự án đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu, dự kiến ký hợp đồng, triển khai vào Quý 1/2020 và hoàn thành triển khai năm 2022. |
| - | Hạng mục: Mua sắm, triển khai phần mềm hệ thống tài trợ thương mại của BIDV | Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai vào Quý 1/2021. |
| 2 | Trang bị giải pháp quản lý khoản vay (cho khách hàng doanh nghiệp) | Dự án đang triển khai hợp đồng từ Quý II/2017; dự kiến hoàn thành triển khai năm 2020. |
| 3 | Mua sắm mới giải pháp quản trị nhân sự tổng thể | Dự án đang triển khai hợp đồng từ Quý III/2017; dự kiến hoàn thành triển khai năm 2019. |
| 4 | Đầu tư và xây dựng Trung tâm dữ liệu mới theo tiêu chuẩn TIER 3 | Dự án đang trong giai đoạn triển khai hợp đồng; dự kiến hoàn thành triển khai vào năm 2020. |
| 5 | Phát triển mạng lưới ATM năm 2016 - 2017 | Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai vào Quý I/2020. |
| 6 | Triển khai hệ thống Hạ tầng quản trị doanh nghiệp (ECM) | Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai năm 2020. |
| 7 | Xây dựng Cổng thông tin điện tử | Đã hoàn thành triển khai năm 2018 |

| STT | Tên dự án/Nội dung | Tình hình triển khai |
|-----|---|---|
| | (Webportal) bidv.com.vn | |
| 8 | Nâng cao năng lực xử lý hệ thống MIS | Đã hoàn thành triển khai vào tháng 1/2019 |
| 9 | Xác thực chủ thẻ quốc tế BIDV theo giải pháp 3D Secure trong giao dịch trên Internet. | Đã hoàn thành triển khai năm 2018 |

Nguồn: BIDV

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của BIDV trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 16: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng/giảm 2018/2017 | 09 tháng/2019 |
|---|-----------|-----------|-----------------------|---------------|
| Tổng giá trị tài sản | 1.202.284 | 1.313.038 | 9,2% | 1.425.399 |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 78.629 | 90.074 | 14,6% | 74.110 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.720 | 1.931 | 12,3% | 1.383 |
| Lợi nhuận trước thuế | 8.665 | 9.473 | 9,3% | 7.028 |
| Lợi nhuận sau thuế | 6.946 | 7.542 | 8,6% | 5.645 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

Hoạt động kinh doanh năm 2018 và Quý III/2019 của BIDV duy trì ổn định, tích cực, BIDV hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch theo mục tiêu đề ra, tăng trưởng tốt so với năm trước.

Tại thời điểm 30/9/2019, tổng tài sản của BIDV đạt 1.425.399 tỷ đồng, tăng trưởng 8,6% so với cuối năm 2018, tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng TMCP có quy mô lớn nhất thị trường.

Trong năm 2018, thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự của BIDV tăng trưởng khá so với năm 2017, đạt 90.074 tỷ đồng, tăng 14,6% so với năm 2017. Lũy kế đến 30/9/2019, thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự của BIDV đạt 74.110 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hiệu quả hoạt động năm 2018 của BIDV đạt kết quả khá với lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 9.473 tỷ đồng, tăng trưởng 9,3% so với năm 2017, vượt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đến hết Quý III/2019, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 7.028 tỷ đồng..

7.2. Các chỉ tiêu khác

7.2.1. Cơ cấu thu nhập

Bảng 17: Cơ cấu thu nhập của BIDV trong giai đoạn 2017 – 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2017 | | Năm 2018 | | Quý III/2019 | |
|--------------------------------|---|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Thu nhập lãi thuần | 30.955 | 79,34 | 34.956 | 78,58 | 26.398 | 77,05 |
| 2 | Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 2.966 | 7,60 | 3.551 | 7,98 | 3.019 | 8,81 |
| 3 | Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 668 | 1,71 | 1.040 | 2,34 | 1.077 | 3,14 |
| 4 | Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 482 | 1,23 | 645 | 1,45 | 263 | 0,77 |
| 5 | Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 331 | 0,85 | 234 | 0,53 | (266) | |
| 6 | Lãi thuần từ hoạt động khác | 3.279 | 8,40 | 3.815 | 8,58 | 3.592 | 10,48 |
| 7 | Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần | 336 | 0,86 | 242 | 0,54 | 177 | 0,52 |
| Tổng thu nhập hoạt động | | 39.017 | 100 | 44.483 | 100 | 34.259 | 100 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

7.2.2. Cơ cấu lãi thuần

Bảng 18: Cơ cấu lãi thuần của BIDV trong giai đoạn 2017 – 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | Chi tiêu | Năm 2017 | | Năm 2018 | | Quý III/2019 | |
|------------------|--|---------------|--------------|----------------|--------------|---------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 78.629 | 85,15 | 90.074 | 84,35 | 74.110 | 84,60 |
| 2 | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 5.612 | 6,08 | 6.802 | 6,37 | 5.529 | 6,31 |
| 3 | Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 2.135 | 2,31 | 3.007 | 2,82 | 2.795 | 3,19 |
| 4 | Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 697 | 0,75 | 1.034 | 0,97 | 279 | 0,32 |
| 5 | Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư | 344 | 0,37 | 295 | 0,28 | 421 | 0,48 |
| 6 | Thu nhập từ hoạt động khác | 4.594 | 4,98 | 5.337 | 5,00 | 4.292 | 48,99 |
| 7 | Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần | 336 | 0,36 | 242 | 0,23 | 177 | 0,20 |
| Tổng cộng | | 92.346 | 100 | 106.790 | 100 | 87.603 | 100 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

7.1.3. Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 19: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV trong giai đoạn 2017 - 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | Chi tiêu | 2017 | | 2018 | | Quý III/2019 | |
|-------------------------------|------------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Chi phí nhân viên | 8.500 | 54,83 | 8.880 | 55,09 | 5.749 | 53,58 |
| 2 | Chi phí khấu hao và khấu trừ | 931 | 6,01 | 979 | 6,07 | 743 | 6,93 |
| 3 | Chi phí hoạt động khác | 6.073 | 39,17 | 6.258 | 38,84 | 4.237 | 39,49 |
| Tổng chi phí hoạt động | | 15.504 | 100 | 16.117 | 100 | 10.729 | 100 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất đã quý II/2019

8. Chính sách chia lợi nhuận và cổ tức

Việc chi trả cổ tức của BIDV được dựa trên các yếu tố sau:

- ◆ Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;

- ❖ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và ý kiến của NHNN về tỷ lệ chi trả cổ tức
- ❖ Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.

Bảng 20: Tình hình chi trả cổ tức của BIDV giai đoạn 2016 – 2018

| Năm | Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần | Ghi chú |
|------|---|---|
| 2016 | 7%/năm (01 cổ phiếu được nhận 700 đồng) | Bằng tiền mặt, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 22/04/2017 |
| 2017 | 7%/năm (01 cổ phiếu được nhận 700 đồng) | Bằng tiền mặt (theo ý kiến của NHNN tại CV số 6629/NHNN-TTGSNH ngày 23/8/2019, sẽ thực hiện chi trả trong tháng 10-11/2019) |
| 2018 | 7%/năm (01 cổ phiếu được nhận 700 đồng) | Bằng tiền mặt (theo ý kiến của NHNN tại CV số 6629/NHNN-TTGSNH ngày 23/8/2019, sẽ thực hiện chi trả trong tháng 10-11/2019) |

9. Tình hình tài chính

Bảng 21: Chi tiết chỉ tiêu tài chính trong năm 2016 – 30/09/2019

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|--|---------|------------|------------|------------|------------|
| 1. Vốn tự có | | | | | |
| - Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 34.187 | 34.187 | 34.187 | 34.187 |
| - Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu | % | >9 | >9 | >9 | >9 |
| 2. Chất lượng tài sản | | | | | |
| - Tỷ lệ nợ xấu | % | 1,99 | 1,62 | 1,91 | 2,09 |
| - (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản | % | 74,10 | 75,55 | 77,01 | 76,87 |
| - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng | % | 93,02 | 94,97 | 94,00 | 97,90 |
| 3. Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | |
| - Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ | % | 17,7 | 18,65 | 18,32 | 12,34 |



sở hữu bình quân

| | | | | | |
|---|---|------|-------|-------|-------|
| - Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập | % | 6,03 | 6,08 | 6,37 | 6,31 |
| - Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế | % | 32,8 | 34,23 | 37,49 | 42,96 |

4. Khả năng thanh khoản

| | | | | | |
|--|---|-------|-------|-------|-------|
| - Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ dự trữ thanh khoản) | % | 15,78 | 15,49 | 15,42 | 12,66 |
| - Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn | % | 43,05 | 35,50 | 31,05 | 28,57 |

Nguồn: BIDV

Ghi chú:

- Các số liệu về khả năng thanh khoản là số riêng ngân hàng tại ngày 30/09/2019, được sử dụng để báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình hình an toàn thanh khoản theo quy định tại Thông tư 11/2018/TT-NHNN ngày 17/04/2018 về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng. Các tỷ lệ được tính toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- Tỷ lệ Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng theo BCTC riêng lẻ Quý III/2019

10. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

10.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 22: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV

| STT | Tên | Chức vụ |
|-----|---------------------------|-----------------|
| 1 | (Ông) Phan Đức Tú | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | (Bà) Nguyễn Thị Thu Hương | Ủy viên |
| 3 | (Bà) Phan Thị Chinh | Ủy viên |
| 4 | (Ông) Ngô Văn Dũng | Ủy viên |
| 5 | (Ông) Trần Thanh Vân | Ủy viên |
| 6 | (Ông) Phạm Quang Tùng | Ủy viên |
| 7 | (Ông) Lê Việt Cường | Ủy viên độc lập |

Nguồn: BIDV, tại ngày 30/09/2019

10.1.1. Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ tên: **Phan Đức Tú**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **22/12/1964**

Nơi sinh: **Nghệ An**

Số CMND: **040064000382 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/09/2018**


Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế**

Quá trình công tác:

- 12/1998 - 02/2005: **Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Ngãi.**
- 03/2005 - 05/2007: **Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- 06/2007 - 30/04/2012: **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- 01/05/2012 – 14/11/2018: **Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- 15/11/2018 – nay: **Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: **Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: **Không**
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:
 - Sở hữu cá nhân: **43.513 cổ phiếu (chiếm 0,0012728% vốn điều lệ).**
 - Sở hữu đại diện: **1.302.929.664 cổ phiếu (tương đương 40% vốn điều lệ) sở hữu đại diện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.**
 - Sở hữu của người có liên quan: **9.284 cổ phiếu**

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019) | Tỷ lệ (% vốn điều lệ) |
|------------------------|-------------|--|--------------------------|
| Đoàn Thị Trần Hùng Phi | Vợ | 9.284 | 0,0002716 |



- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/9/2019: Không

| Nội dung | Giá trị (triệu đồng) |
|-------------------------------|----------------------|
| Cho vay | 0 |
| Trái phiếu | 0 |
| Bảo lãnh | 0 |
| Hình thức khác (thẻ tín dụng) | 21 |
| Tổng cộng | 21 |

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Nguyễn Thị Thu Hương**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 17/02/1967

Nơi sinh: Vĩnh Phúc

Số CMND: 012287551 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/01/2005

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 12/2006 - 07/2009: Trưởng phòng thanh tra Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 08/2009 - 05/2010: Phó Vụ trưởng Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng.
- 06/2010 – 04/2011: Quyền Vụ trưởng Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng.
- 05/2011 – 04/2019: Vụ trưởng Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng.
- 04/2019 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0 % vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 977.197.248 cổ phiếu (chiếm 30% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/9/2019: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.3. Bà Phan Thị Chinh - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Phan Thị Chinh**
 Giới tính: **Nữ**
 Ngày tháng năm sinh: **06/01/1968**
 Nơi sinh: **Hải Phòng**
 Số CMND: **011920202 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/09/2010**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**

Quá trình công tác:

- 08/2004 - 05/2007: **Giám đốc Ban Tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- 06/2007 - 03/2014: **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- 04/2014 - nay: **Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: **Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Ủy viên HĐQT Công ty chuyển mạch Tài chính quốc gia (Banknet).
- Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Tháp BIDV

- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: **29.186 cổ phiếu (chiếm 0,0008537% vốn điều lệ)**
- Sở hữu đại diện: **0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)**
- Sở hữu của người có liên quan: **0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)**

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

| Nội dung | Giá trị (triệu đồng) |
|-----------------|-----------------------------|
| Cho vay | 0 |
| Trái phiếu | 0 |



| | |
|-------------------------------|------------|
| Bảo lãnh | 0 |
| Hình thức khác (thẻ tín dụng) | 111 |
| Tổng cộng | 111 |

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.4. Ông Ngô Văn Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Ngô Văn Dũng**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **19/01/1968**

Nơi sinh: **Hải Dương**

Số CMND: **011858489 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/09/2008**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

Quá trình công tác:

- 01/09/2004 - 31/07/2007: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/08/2007 - 30/11/2007: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội.
- 01/12/2007 - 31/05/2015: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Nội.
- 01/06/2015 – nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 01 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản (BAMC).
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: **780 cổ phiếu (chiếm ~0,0000228% vốn điều lệ)**

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

| Nội dung | Giá trị (triệu đồng) |
|-------------------------------|----------------------|
| Cho vay | 0 |
| Trái phiếu | 0 |
| Bảo lãnh | 0 |
| Hình thức khác (thẻ tín dụng) | 27 |
| Tổng cộng | 27 |

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.5. Ông Trần Thanh Vân - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Trần Thanh Vân**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1961

Nơi sinh: Hà Nội

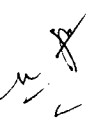
Số CMND: 200057314 do Công an TP. Đà Nẵng cấp ngày 10/05/2007

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/10/1991 - 31/03/2004: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng.
- 01/04/2004 - 31/08/2008: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng.
- 01/09/2008 - 30/04/2012: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 - 25/04/2013: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 26/04/2013 - 31/12/2013: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/01/2014 – nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH 02 TV Đầu tư và Phát triển quốc tế (IID).
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:
 - Sở hữu cá nhân: 43.645 cổ phiếu (chiếm 0,0012766% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 14.382 cổ phiếu

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019) | Tỷ lệ (% vốn điều lệ) |
|--------------|-------------|--|--------------------------|
| Trần Hải Vân | Em ruột | 14.382 | 0,0004207 |

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.6. Ông Phạm Quang Tùng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Phạm Quang Tùng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/09/1971

Nơi sinh: Hà Nội

Số CMND: 034071000042 do Cục CSĐKQLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 31/03/2014

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế, Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- 01/2006 - 09/2010: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 09/2010 - 10/2010: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 10/2010 - 04/2011: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 04/2011 - 05/2016: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.

- 06/2016 - 12/2017: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB).
- 12/2017 - 20/04/2018: Tiếp nhận trở lại BIDV công tác để triển khai quy trình bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao tại BIDV.
- 21/04/2018 – nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumitrust (BSL).

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 01 cổ phiếu (chiếm 0,0000000% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

| Nội dung | Giá trị (triệu đồng) |
|-------------------------------|-----------------------------|
| Cho vay | 0 |
| Trái phiếu | 0 |
| Bảo lãnh | 0 |
| Hình thức khác (thẻ tín dụng) | 27 |
| Tổng cộng | 27 |

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.7. Ông Lê Việt Cường - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập

Họ tên: **Lê Việt Cường**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **07/05/1950**

Nơi sinh: **Thái Lan**

Số CMND: **012438743 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2001**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính Ngân hàng**



Quá trình công tác:

- 04/1972 - 04/1988: Giảng viên trường trung học Ngân hàng Bắc Thái.
- 05/1988 - 05/1989: Cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.
- 06/1989 - 03/1992: Thư ký Ban lãnh đạo NHNN Việt Nam, Phó trưởng phòng Thư ký tổng hợp NHNN.
- 04/1992 - 11/1994: Trưởng phòng hành chính NHNN.
- 12/1994 - 03/1999: Phó Chánh Văn phòng Thống đốc NHNN.
- 04/1999 - 12/2006: Chánh Văn phòng NHNN Việt Nam.
- 01/2007 - 05/2010: Ủy viên HĐQT BIDV.
- 01/06/2010 - 21/04/2017: Nghỉ hưu theo chế độ.
- 22/04/2017 – nay: Ủy viên HĐQT độc lập BIDV.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 23: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát BIDV

| SĐT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|-------------------------|
| 1 | Bà Võ Bích Hà | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Tâm | Thành viên chuyên trách |
| 3 | Ông Cao Cự Trí | Thành viên chuyên trách |

Nguồn: BIDV

10.2.1. Bà Võ Bích Hà - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ tên: **Võ Bích Hà**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày tháng năm sinh: **01/03/1967**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Số CMND: **011399528 do Công an Hà Nội cấp ngày 12/04/2007**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh**
- Chứng chỉ nghề nghiệp: **Chứng chỉ của Hiệp hội kế toán viên công chứng Australia (CPA Australia)**
- Quá trình công tác:
- 5/1991 - 3/1997: **Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán – Hội sở chính BIDV.**
 - 4/1997 - 8/1997: **Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Hội sở chính BIDV.**
 - 9/1997 - 3/2000: **Phó Trưởng phòng Nguồn vốn kinh doanh - Hội sở chính BIDV.**
 - 4/2000 - 4/2002: **Phó trưởng phòng Phụ trách phòng Kinh doanh tiền tệ - Hội sở chính BIDV.**
 - 5/2002 - 9/2006: **Trưởng phòng Quản lý vốn góp - Hội sở chính BIDV.**
 - 10/2006 - 4/2015: **Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư - Hội sở chính BIDV.**
 - 17/04/2015 - nay: **Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: **Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: **Không.**
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:
- Sở hữu cá nhân: **9 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,0000003% vốn điều lệ)**
 - Sở hữu đại diện: **0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)**
 - Sở hữu của người có liên quan: **15.918 cổ phiếu**



| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019) | Tỷ lệ (% vốn điều lệ) |
|-----------------|-------------|--|--------------------------|
| Nguyễn Xuân Hòa | Chồng | 15.918 | 0,0004656 |

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.2.2. Bà Nguyễn Thị Tâm - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ tên: Nguyễn Thị Tâm
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 25/10/1965
- Nơi sinh: Hải Dương
- Số CMND: 011814791 do Công an Hà Nội cấp ngày 15/06/2009
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)
- Quá trình công tác:
- 10/05/1991 - 21/03/2000: Cán bộ Trụ Sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 22/03/2000 - 01/04/2006: Trưởng phòng Kế toán Điện toán - Ngân hàng Liên doanh Lào Việt Hà Nội.
 - 01/04/2006 - 14/06/2007: Phó trưởng Phòng Kiểm toán - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 15/06/2007 - 31/08/2008: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Giám sát và Tổng hợp - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 01/9/2008 - 25/03/2009: Trưởng phòng Phòng Giám sát - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 26/03/2009 - 30/04/2012: Trưởng phòng Phòng Giám sát, Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 01/05/2012 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:
 - Sở hữu cá nhân: 8.545 cổ phiếu (chiếm 0,0002499% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 402 cổ phiếu

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019) | Tỷ lệ (% vốn điều lệ) |
|-----------------------|-------------|--|--------------------------|
| Nguyễn Thị Thùy Chung | Em ruột | 402 | 0,0000118 |

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.2.3. Ông Cao Cự Trí - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ tên: Cao Cự Trí
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/10/1966
- Nơi sinh: Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- Số CMND: 012500432, do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/04/2002
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)
- Quá trình công tác:
- 01/10/1984 - 30/06/2002: Công tác tại Ngân hàng Nhà nước (Tỉnh Nghệ An, NHNN Trung ương): Cán bộ, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng.
 - 01/07/2002 - 14/02/2004: Phó Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 15/02/2004 - 30/09/2006: Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 01/10/2006 - 28/02/2009: Phó Giám đốc - Sở Giao dịch 3 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (trong đó từ 20/07/2007 – 15/10/2007 là Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Lựa chọn định chế, Kiêm Trưởng Phòng

Thẩm định và Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam).

- 01/03/2009 - 30/04/2012: Phó Trưởng Ban Kiểm Soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- 01/05/2012 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 3.581 cổ phiếu (chiếm 0,0001047% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3. *Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc*

Bảng 24: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------------|---|
| 1 | Ông Lê Ngọc Lâm | Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành |
| 2 | Ông Quách Hùng Hiệp | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Ông Lê Kim Hòa | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Ông Trần Xuân Hoàng | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 | Ông Trần Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| 6 | Ông Lê Trung Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| 7 | Ông Nguyễn Thiên Hoàng | Phó Tổng Giám đốc |
| 8 | Bà Tạ Thị Hạnh | Kế toán trưởng |

Nguồn: BIDV

10.3.1. Ông Lê Ngọc Lâm - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành

- Họ tên: **Lê Ngọc Lâm**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **23/07/1975**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Số CMND: **001075008069, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 13/01/2016**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ kinh tế**
- Quá trình công tác:
- 03/2009 - 10/2010: **Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
 - 10/2010 - 03/2012: **Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sở Giao dịch 1.**
 - 04/2012 - 04/2013: **Giám đốc ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
 - 04/2013 - 01/2015: **Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
 - 01/2015 – 14/11/2018: **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
 - 15/11/2018 – nay: **Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: **Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
- Ủy viên Ban chấp hành Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:
- Sở hữu cá nhân: **723 cổ phiếu (chiếm 0,0000211% vốn điều lệ)**
 - Sở hữu đại diện: **0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)**
 - Sở hữu của người có liên quan: **9 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,0000003% vốn điều lệ)**

Handwritten signature and date

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019) | Tỷ lệ (% vốn điều lệ) |
|-------------------|-------------|--|--------------------------|
| Lê Thị Phương Hải | Vợ | 9 | 0,0000003 |

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

| Nội dung | Giá trị (triệu đồng) |
|-------------------------------|----------------------|
| Cho vay | 0 |
| Trái phiếu | 0 |
| Bảo lãnh | 0 |
| Hình thức khác (thẻ tín dụng) | 11 |
| Tổng cộng | 11 |

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.2. Ông Quách Hùng Hiệp - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Quách Hùng Hiệp**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **23/09/1969**

Nơi sinh: **Hà Nội**

Số CMND: **001069007554, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 20/06/2016**

Trình độ chuyên môn: **Tiến sỹ Kinh tế**

Quá trình công tác:

- 01/06/1999 - 31/07/2002: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB).
- 01/08/2002 - 31/03/2005: Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/12/2004 - 08/03/2010: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh VID- Public.
- 01/04/2005 - 31/10/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/11/2006 - 31/12/2006: Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/01/2007 - 01/03/2011: Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- 16/10/2010 - 30/04/2012: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng liên doanh Lào Việt (LVB)
 - Phó Chủ tịch Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:
 - Sở hữu cá nhân: 35.078 cổ phiếu (chiếm 0,0010261% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.3. Ông Lê Kim Hòa - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lê Kim Hòa**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/10/1965

Nơi sinh: Đắk Lắk

Số CMND: 066065000004, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 28/03/2016

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 05/1997 - 10/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk.
- 11/2002 - 07/2007: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk.
- 08/2007 - 08/2008: Giám đốc Ban tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- 09/2008 - 02/2009: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 03/2009 - 04/2009: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
 - 05/2009 - 08/2013: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
 - 09/2013 - 05/2014: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
 - 06/2014 – 02/2018: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 03/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh
 - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC).
 - ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:
 - Sở hữu cá nhân: 42.983 cổ phiếu (chiếm 0,0012573% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không
 - ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.4. Ông Trần Xuân Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Trần Xuân Hoàng**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 22/10/1965
Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 031065004184, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 18/12/2017

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/07/1996 - 14/07/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai.

- 15/07/2006 - 14/08/2008: Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 2.

- 15/08/2008 - 30/04/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- 01/05/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)

- Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần bất động sản và xây dựng nhà Mê Kông (MHBR).

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 23.081 cổ phiếu (chiếm 0,0006751% vốn điều lệ)

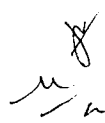
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 11.449 cổ phiếu (chiếm 0,0003349% vốn điều lệ)

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019) | Tỷ lệ (% vốn điều lệ) |
|--------------------|-------------|--|--------------------------|
| Hoàng Thị Giang Hà | Vợ | 11.449 | 0,0003349 |

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

| Nội dung | Giá trị (triệu đồng) |
|------------|----------------------|
| Cho vay | 0 |
| Trái phiếu | 0 |
| Bảo lãnh | 0 |



| | |
|-------------------------------|-----------|
| Hình thức khác (thẻ tín dụng) | 27 |
| Tổng cộng | 27 |

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.5. Ông Trần Phương - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Trần Phương**
 Giới tính: **Nam**
 Ngày tháng năm sinh: **27/12/1973**
 Nơi sinh: **Bắc Giang**
 Số CMND: **013045909 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/03/2008**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ TCNH**
 Quá trình công tác:

- 01/2006 - 06/2006: **Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- 07/2006 - 12/2006: **Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển– Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- 01/2007 - 08/2008: **Phó Giám đốc, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Cổ phần hoá – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- 08/2008 - 04/2012: **Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**
- 05/2012 – nay: **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

❖ Chức vụ công tác hiện nay: **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: **Không.**

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: **21.147 cổ phiếu (chiếm 0,0006186% vốn điều lệ)**
- Sở hữu đại diện: **0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)**
- Sở hữu của người có liên quan: **6.162 cổ phiếu (chiếm 0,0001802% vốn điều lệ)**

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV | Tỷ lệ (% vốn điều lệ) |
|-------------------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Phạm Thị Kim Oanh | Vợ | 6.162 | 0,0001802 |

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.6. Ông Lê Trung Thành - Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: **Lê Trung Thành**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/09/1964
- Nơi sinh: An Giang
- Số CMND: 024788171 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/08/2007
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
- 08/1993 - 08/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang.
 - 09/2002 - 01/2004: Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang.
 - 02/2004 - 11/2004: Trưởng ban chuyên trách phát triển mạng lưới kinh doanh BIDV tại Thành Phố Hồ Chí Minh.
 - 12/2004 - 07/2014: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
 - 07/2014 – 03/2018: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 04/2018 – 30/04/2019: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đồng Bằng Sông Cửu Long.
 - 01/05/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ BIDV MetLife.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:
 - Sở hữu cá nhân: 2.252 cổ phiếu (chiếm 0,0000659% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

| Nội dung | Giá trị (triệu đồng) |
|-------------------------------|-----------------------------|
| Cho vay | 0 |
| Trái phiếu | 0 |
| Bảo lãnh | 0 |
| Hình thức khác (thẻ tín dụng) | 120 |
| Tổng cộng | 120 |

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.7. Ông Nguyễn Thiên Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: **Nguyễn Thiên Hoàng**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **03/06/1973**
- Nơi sinh: **Bố Trạch – Quảng Bình**
- Số CMND: **194016544 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/04/2010**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**
- Quá trình công tác:
- 11/2006 - 09/2007: **Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.**
 - 10/2007 - 04/2012: **Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.**
 - 05/2012 - 07/2012: **Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.**
 - 07/2012 - 05/2016: **Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV.**

- 01/06/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2019:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 2 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV | Tỷ lệ (% vốn điều lệ) |
|------------------------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Nguyễn Thị Thanh Hương | Em | 2 | 0,0000001 |

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.8. Bà Tạ Thị Hạnh - Kế toán trưởng

Họ tên: **Tạ Thị Hạnh**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 05/05/1972

Nơi sinh: Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên

Số CMND: 033172000269 do Cục trưởng cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 22/6/2015

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 01/11/2006 - 31/12/2009 Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1.

- 01/01/2010 - 31/10/2011 Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- 01/06/2011 - 31/10/2011 Kế toán Trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- 01/11/2011 - 30/04/2012 Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- 01/05/2012 – nay Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 2.253 cổ phiếu (chiếm 0,0000659% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

| Nội dung | Giá trị (triệu đồng) |
|-------------------------------|----------------------|
| Cho vay | 2.402 |
| Trái phiếu | 0 |
| Bảo lãnh | 0 |
| Hình thức khác (thẻ tín dụng) | 0 |
| Tổng cộng | 2.402 |

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

11. Tài sản

Bảng 25: Chi tiết tài sản cố định tại 30/09/2019

Đơn vị: tỷ đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Khấu hao/Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Tỷ lệ còn lại (%) |
|------------------|---------------|-------------------------|-----------------|-------------------|
| 1. TSCĐ hữu hình | 12.292 | 6.345 | 5.947 | 48,38% |
| 2. TSCĐ vô hình | 5.782 | 1.506 | 4.276 | 73,95% |
| Tổng | 18.074 | 7.851 | 10.223 | 56,56% |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

12. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới

Dự kiến trong 03 năm tới, BIDV sẽ tiếp tục triển khai chào bán sản phẩm trái phiếu với mục đích nêu tại phần VI Bản cáo bạch và việc chào bán phù hợp với quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước cũng như trên cơ sở phương án phát hành được cấp thẩm quyền chấp thuận.

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019 (trả trong năm 2020) dự kiến không thấp hơn 2018.

Bảng 26: Kế hoạch lợi nhuận năm 2019

Đơn vị: tỷ đồng/%

| Chỉ tiêu | 2019 | |
|---|----------|-----------------------------|
| | Kế hoạch | % tăng/giảm so với năm 2018 |
| Lợi nhuận sau thuế (80% lợi nhuận trước thuế) | 8.240 | 9% |

Nguồn: BIDV

13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên

❖ Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2019

BIDV xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tối đa 12% và đảm bảo tuân thủ kế hoạch NHNN giao trong từng thời kỳ, trong đó tập trung đối với các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên theo định hướng của Chính phủ, NHNN, củng cố vị trí dẫn đầu trên các phân khúc thị trường chủ đạo như bán lẻ, SME, ...
- Huy động vốn đảm bảo cân đối cho nhu cầu sử dụng vốn, trong đó tập trung gia tăng nền vốn bán lẻ, chú trọng huy động vốn khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, khách hàng doanh nghiệp nước ngoài là những nhóm khách hàng duy trì tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn bình quân lớn nhằm giảm chi phí huy động vốn.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng đảm bảo tỷ lệ nợ xấu <2%, quyết liệt triển khai các giải pháp xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp thu hồi nợ ngoại bảng, nợ đã bán cho VAMC, phân đầu tất toán trước hạn trái phiếu VAMC.
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ đặc biệt là các dịch vụ ngân hàng phi tín dụng, phân đầu đẩy mạnh các nguồn thu phi lãi theo đúng định hướng; Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản phẩm dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.



- Gia tăng hiệu quả sử dụng chi phí.
- Cấu trúc lại toàn diện hoạt động đầu tư đảm bảo công khai, minh bạch và tối đa hóa lợi ích của BIDV.
- Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tăng cường công tác quản trị rủi ro trên tất cả các mặt hoạt động.

❖ **Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2019**

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2019 của ngân hàng;
- Căn cứ nhu cầu nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng;
- Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của BIDV.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của BIDV, BSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của BIDV dự kiến cho năm 2019 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của BIDV.

15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của BIDV

15.1 Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi tại thời điểm 30/09/2019

Tính đến 30/09/2019, BIDV đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị ghi sổ là 25.909.746 triệu VND trong đó trái phiếu tăng vốn là 18.359.382 triệu VND, cụ thể như sau (đơn vị: triệu VND):

- Trái phiếu phát hành ra công chúng:

| Tên trái phiếu | Cơ quan chấp thuận phát hành | Giá trị (triệu VND) | Kỳ hạn |
|--|---|---------------------|--------|
| Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2018 đáo hạn năm 2025 | Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 67/GCN-UBCK ngày 9/11/2018 | 3.000.000 | 07 năm |
| Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2018 đáo hạn năm 2028 | | 1.000.000 | 10 năm |
| Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 đáo hạn năm 2026 – đợt 1 năm 2019 | Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 64/GCN-UBCK ngày 27/8/2018 | 2.499.320 | 07 năm |
| Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 đáo hạn năm 2029 – đợt 1 năm 2019 | | 500.000 | 10 năm |

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ:

| Loại trái phiếu | Kỳ hạn | Giá trị (triệu VND) | |
|---------------------|-----------------------------|---------------------|------------|
| | | 30/09/2019 | 31/12/2018 |
| Trái phiếu thường | Từ 12 tháng đến dưới 05 năm | 5.550.061 | 5.550.061 |
| | Từ 05 năm trở lên | 2.000.303 | 2.000.303 |
| Trái phiếu tăng vốn | Trên 05 năm | 11.360.062 | 17.360.062 |

15.2 Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

| STT | Nội dung | Số tiền (Triệu VND) |
|-----|--|---------------------|
| 1 | Tổng giá trị hợp đồng | 7.951.539 |
| 2 | Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí | 3.995.338 |
| 3 | Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước) | 992.072 |
| 4 | Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân | 2.964.129 |



15.3 Những cam kết chưa thực hiện khác tại thời điểm 30/09/2019

Chi tiết các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại ngày 30/09/2019 của BIDV như sau:

Bảng 27: Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của BIDV

| Chỉ tiêu | Giá trị (tỷ đồng) |
|---------------------------------|----------------------|
| 1. Các khoản bảo lãnh | 146.775 |
| - Bảo lãnh vay vốn | 4.830 |
| - Bảo lãnh khác | 141.945 |
| 2. Cam kết thanh toán LC | 58.476 |
| 3. Các cam kết đưa ra | 13.350 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu chào bán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, BIDV đã khởi kiện một số khách hàng tại các toà án có thẩm quyền để đưa ra yêu cầu thanh toán nợ, xử lý tài sản bảo đảm. Đây là một trong các phương thức, biện pháp xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu, nợ tiềm ẩn rủi ro được thực hiện thông thường trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam và không gây bất lợi nghiêm trọng đến hoạt động chung của BIDV cũng như khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo cam kết của BIDV.

Ngoài ra, BIDV có liên quan đến một số vụ án hình sự sau:

(a) Vụ án liên quan đến Ngân hàng xây dựng Việt Nam (Vụ án VNCB giai đoạn 2):

Sau hai lần xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, ngày 25/12/2018, TAND cấp cao tại TP.HCM ra Bản án hình sự phúc thẩm (có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm tuyên án) giải quyết Vụ án Phạm Công Danh và đồng phạm - giai đoạn 2 trong đó chấp nhận kháng cáo của BIDV, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm, tuyên BIDV (Chi nhánh Sở Giao dịch 2, Hải Vân) không phải trả cho Ngân hàng Xây dựng (Cbank) 1.633,7 tỷ đồng (số tiền mà Bản án sơ thẩm coi là vật chứng của vụ án). Ngoài ra, 03 bị cáo là cán bộ BIDV cũng được Tòa án xem xét tính chất, mức độ phạm tội và cho hưởng án treo. Như vậy, theo nội dung tuyên của Bản án hình sự phúc thẩm (đã có hiệu lực pháp luật), tại BIDV không phát sinh thiệt hại cũng như trách nhiệm vật chất liên quan.

(b) Vụ án hình sự liên quan tại Chi nhánh Tây Sài Gòn:

Ngày 30/10/2018, Tòa án TP.HCM ra Bản án sơ thẩm xét xử vụ án hình sự liên quan đến nhóm Công ty TNHH Thiện Linh xây ra tại BIDV Tây Sài Gòn. Theo đó Tòa án tuyên các bị cáo trong vụ án (Huỳnh Công Thiện, Nguyễn Thị Thu Huệ) liên đới cùng Công ty TNHH Thiện Linh bồi thường cho BIDV tổng số tiền là 323 tỷ đồng (bao gồm gốc, lãi). Tuyên xử lý các tài sản Công ty Thiện Linh, bên thứ ba thế chấp tại BIDV Tây Sài Gòn để bảo đảm thi hành án. Ngoài ra, liên quan đến trách nhiệm của cán bộ BIDV trong vụ án, Tòa án sơ thẩm đã tuyên 03 cán bộ thuộc Chi nhánh BIDV Tây Sài Gòn phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, xử phạt lần lượt các

mức án là 04, 05 và 08 năm tù giam. BIDV đã thực hiện kháng cáo một số nội dung tuyên của Bản án sơ thẩm về quyền xử lý tài sản bảo của BIDV trong vụ án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của BIDV trong vụ án.

- (c) Vụ án hình sự xảy ra tại MHB/Công ty MHBS: Vụ án liên quan đến sai phạm của các bị can nguyên là cán bộ, lãnh đạo tại Ngân hàng TMCP Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (MHB) và Công ty chứng khoán MHB (MHBS) trong giai đoạn từ năm 2011 – 2014 (trước khi MHB được sáp nhập vào BIDV). Ngày 22/11/2018, TAND TP. HCM ra Bản án sơ thẩm xét xử vụ án hình sự xảy ra tại MHB (nay là BIDV), tuyên Công ty CP Chứng khoán MHB (MHBS) và các bị cáo (liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho BIDV tổng số tiền 349 tỷ đồng. Liên quan đến sai phạm của các cá nhân nguyên là lãnh đạo, cán bộ MHB trước đây, Bản án sơ thẩm tuyên 16 bị cáo về các tội danh “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, lần lượt chịu các mức án tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội.

- (d) Vụ án hình sự Công ty Cổ phần chứng khoán Trảng An xảy ra tại Chi nhánh BIDV Hai Bà Trưng:

Ngày 10/01/2019, Tòa án nhân dân TP. Hà Nội (sau 4 ngày xét xử) đã ra Bản án hình sự sơ thẩm xét xử vụ án hình sự xảy ra tại Công ty CP Chứng khoán Trảng An. Bản án hình sự sơ thẩm tuyên Lê Hồ Khôi (nguyên Tổng Giám đốc Công ty CP chứng khoán Trảng An) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tuyên phạt 18 năm tù. Các đồng phạm (nguyên là lãnh đạo, cán bộ Công ty CP chứng khoán Trảng An) cũng nhận các mức án từ 3 đến 10 năm tù tùy theo vai trò, tính chất và mức độ hành vi phạm tội. Tòa án sơ thẩm cũng tuyên buộc Lê Hồ Khôi phải bồi thường thiệt hại cho BIDV Hai Bà Trưng số tiền là hơn 27,6 tỷ đồng. Các cán bộ BIDV Hai Bà Trưng liên quan trong việc cấp tín dụng cho Công ty CP chứng khoán Trảng An được Cơ quan tiến hành tố tụng xác định không có hành vi phạm tội.

- (e) Vụ án hình sự xảy ra tại Phòng Giao dịch Cái Dầu – Chi nhánh BIDV Long Xuyên (nay sáp nhập chuyển giao về Chi nhánh BIDV An Giang):

Vụ án liên quan đến hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tham ô tài sản” của Nguyễn Thị Mỹ Hoàng (nguyên là cán bộ Phòng Giao dịch Cái Dầu thuộc BIDV Long Xuyên), đồng thời một số cán bộ tại BIDV Long Xuyên cũng bị xem xét về hành vi “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Số tiền BIDV được Cơ quan tiến hành tố tụng xác định bị Nguyễn Thị Mỹ Hoàng chiếm đoạt là hơn 28,6 tỷ đồng. Dự kiến vụ án sẽ được đưa ra xét xử sơ thẩm trong tháng 4/2019 và BIDV được triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là Bị hại.

- (f) Vụ án hình sự liên quan đến việc xử lý TSBĐ tại Chi nhánh Tây Sài Gòn:

Vụ án này liên quan đến ông Nguyễn Huy Hùng (nguyên Giám đốc Chi nhánh BIDV Tây Sài Gòn) và ông Nguyễn Quang Lộc (nguyên Trưởng phòng KHDN 1 Chi nhánh BIDV Tây Sài Gòn) bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương khởi tố về hành vi “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại Điều 219 Bộ luật hình sự 2015 trong quá trình xử lý các tài sản bảo đảm của Công ty TNHH SXTM An Tây, Công ty TNHH sản xuất chế biến gỗ Mỹ Hiệp (là các khách hàng nợ xấu tại BIDV Tây Sài Gòn). Hiện vụ án vẫn đang trong quá trình điều tra, truy tố theo

quy định pháp luật tố tụng hình sự. BIDV được các cơ quan tiến hành tố tụng xác định là Bị hại trong vụ án.

Ngoài ra, trong thời gian gần đây, cơ quan điều tra cũng đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với một số vụ việc liên quan đến BIDV trong đó có các cá nhân nguyên là lãnh đạo, cán bộ tại BIDV (được phản ánh qua các phương tiện thông tin đại chúng). Tuy nhiên, hiện nay Cơ quan tiến hành tố tụng đang thực hiện công tác điều tra, chưa đưa ra kết luận chính thức về nội dung vụ việc, vì vậy chưa có cơ sở, căn cứ để BIDV công bố thông tin.

Qua các vụ án hình sự BIDV được cơ quan tiến hành triệu tập tham gia tố tụng (cụ thể như đã nêu trên) đã thể hiện việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng Việt Nam trong đó có BIDV. Về cơ bản, hướng xử lý, cơ chế xử lý đối với các khoản tiền, tài sản mà Cơ quan tiến hành tố tụng xác định BIDV bị chiếm đoạt, thất thoát hoặc thiệt hại trong các vụ án hình sự đều bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của BIDV (BIDV có quyền được nhận lại hoặc có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, thiệt hại). Theo đánh giá, các vụ việc trên không ảnh hưởng đến việc BIDV thực hiện giao dịch phát hành trái phiếu năm 2019.

- (h) Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**Thông Tư 36**"); Thông tư số 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư 36; và Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 26/12/2017 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư 36;
- (i) Nghị Quyết số 319/NQ-BIDV ngày 17/04/2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2019;
- (j) Quyết định số 1062/QĐ-NHNN ngày 20/05/2019 của Ngân hàng Nhà nước về việc phát hành trái phiếu VND năm 2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- (k) Nghị Quyết số 1024/NQ-BIDV ngày 16/10/2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo phương thức trực tiếp phát hành thông qua các chi nhánh/phòng giao dịch/Trụ sở chính BIDV trong quý IV năm 2019.

2. Loại Và Đặc Điểm Của Trái Phiếu 2026

- (a) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, đáo hạn năm 2026, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành ("**Trái Phiếu 2026**").
- (b) Thời Hạn Trái Phiếu 2026: bảy (07) năm kể từ Ngày Phát Hành.
- (c) Trái Phiếu 2026 được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức bút toán ghi sổ.
- (d) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý, Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu 2026 phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu 2026 nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu 2026 nào.
- (e) Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.
- (f) Trong Thời Hạn Trái Phiếu 2026, Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu 2026 để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
- (g) Mã Trái Phiếu 2026: BID2_19.08

3. Tiền lãi và lãi suất

3.1. Tiền Lãi

- (a) Tiền lãi Trái Phiếu 2026 được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành Trái Phiếu 2026 cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026 (tùy trường hợp áp dụng), và được thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026.

Nếu Trái Phiếu 2026 được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026 thì Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026 năm thứ hai (02) sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026 cuối cùng của Trái Phiếu 2026 và tiền lãi năm thứ hai (02) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu 2026 vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026.

Nếu Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026 và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026 không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc. Trong trường hợp đến Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026 mà Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu 2026 mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán, thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu 2026 đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán giữ hộ và không được hưởng lãi.

- (b) Mỗi Trái Phiếu 2026 sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026 (áp dụng đối với trường hợp mua lại toàn bộ mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành) và mỗi Trái Phiếu 2026 được mua lại sẽ không được hưởng lãi kể từ ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại (áp dụng đối với trường hợp mua lại một phần mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành) trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu 2026 không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào các ngày đó do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán.

Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu 2026 bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán tại (i) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026 thì khoản tiền gốc Trái Phiếu 2026 sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo mức lãi suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ hai (02); hoặc (ii) Ngày Đến Hạn Trái Phiếu 2026 thì khoản tiền gốc Trái Phiếu 2026 sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo mức lãi suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ bảy (07) (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán) cho đến ngày, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 hoặc người đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu 2026 đến hạn thanh toán.

- (c) Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026, nếu khoản tiền lãi đến hạn của Trái Phiếu 2026 bị từ chối thanh toán hoặc được thanh toán

không đầy đủ do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán thì Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ được hưởng lãi quá hạn đối với số tiền bị chậm trả tính từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức lãi suất Trái Phiếu 2026 áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi bị chậm trả.

- (d) Tiền lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu 2026 không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điều Khoản 3.1(b) và (c) nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký và Thanh Toán) chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026.
- (e) Tiền lãi tại các Điều Khoản 3.1(a), (b), (c) và (d) nêu trên sẽ được tính trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu 2026 được hưởng tròn Kỳ Thanh Toán Lãi thì tiền lãi Trái Phiếu 2026 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi Trái} \\ \text{Phiếu 2026 được} \\ \text{hưởng cho một} \\ \text{thời hạn tròn Kỳ} \\ \text{Thanh Toán Lãi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mệnh giá} \\ \text{Trái Phiếu} \\ \text{2026 năm} \\ \text{giữ thực tế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất Trái Phiếu 2026} \\ \text{áp dụng trong Kỳ Thanh} \\ \text{Toán Lãi đó} \end{array}$$

Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu 2026 được hưởng cho một thời hạn dưới một (01) năm thì tiền lãi Trái Phiếu 2026 sẽ được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi Trái} \\ \text{Phiếu 2026} \\ \text{được hưởng cho} \\ \text{một thời hạn} \\ \text{dưới 01 năm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mệnh} \\ \text{giá Trái} \\ \text{Phiếu} \\ \text{2026} \\ \text{năm giữ} \\ \text{thực tế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất Trái} \\ \text{Phiếu 2026} \\ \text{áp dụng} \\ \text{trong Kỳ} \\ \text{Thanh Toán} \\ \text{Lãi đó} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số ngày thực tế năm giữ Trái} \\ \text{Phiếu 2026 trong Kỳ Thanh} \\ \text{Toán Lãi đó} \end{array}}{365}$$

3.2. Lãi Suất

- (a) Lãi suất của Trái Phiếu 2026 cho từng Kỳ Thanh Toán Lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được Đại Lý Thanh Toán xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất Trái Phiếu 2026} = \text{Lãi Suất Tham Chiếu} + 1,3\% \text{ (một phẩy ba phần trăm)/năm}$$

- (b) Vì mục đích của Điều Khoản 3.2 (a):

- (i) “Ngày Xác Định Lãi Suất” có nghĩa là Ngày Làm Việc thứ bảy (07) trước Ngày Phát Hành đối với Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên hoặc Ngày Làm Việc thứ

bày (07) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi đối với các Kỳ Thanh Toán Lãi tiếp theo;

- (ii) **“Lãi Suất Tham Chiếu”**, đối với mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi đó. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.
 - (iii) **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Khu vực Hà Nội, (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** và gọi chung là **“Các Ngân Hàng Tham Chiếu”**).
- (c) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo các nguyên tắc sau:
- (i) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà Đại Lý Thanh Toán không xác định được Lãi Suất Tham Chiếu do một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất tương ứng. Khi đó, Đại Lý Thanh Toán phải có bằng chứng chứng minh trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên.
 - (ii) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà Đại Lý Thanh Toán không xác định được Lãi Suất Tham Chiếu do trang thông tin điện tử chính thức của cả bốn (04) Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động và/hoặc không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn, trả sau, 12 tháng (hoặc tương đương) thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1 công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Thông tin về lãi suất này phải được cung cấp cho Đại Lý Thanh Toán bằng văn bản.
 - (iii) Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương nêu trên chỉ được áp dụng khi Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng (áp dụng cho lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau). Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương là mức lãi suất của kỳ hạn tính bằng ngày/kỳ hạn gần với kỳ hạn 12 tháng nhất.
 - (iv) Đại Lý Thanh Toán gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các bên liên quan khác (nếu có yêu cầu) và công bố trên trang thông

tin điện tử chính thức của Đại Lý Thanh Toán về lãi suất cụ thể áp dụng cho mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi.

- (v) Những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 đồng ý và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu 2026 của Đại Lý Thanh Toán sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu 2026, trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.
- (d) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu 2026 thì (A) nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điều Khoản 3.2 (a) nêu trên thì lãi suất Trái Phiếu 2026 sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điều Khoản 3.2 (a) đó; (B) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu 2026 và lãi suất Trái Phiếu 2026 đã được quy định tại Điều Khoản 3.2 (a) nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu 2026 sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; (C) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu 2026 nhưng lãi suất Trái Phiếu 2026 được quy định tại Điều Khoản 3.2 (a) nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu 2026 là mức lãi suất được xác định như tại Điều Khoản 3.2 (a) nêu trên.

3.3. *Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi*

Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu 2026 đến Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu 2026 khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Chậm Trả**"). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 cho bất kỳ mục đích nào.

Số Tiền Lãi Chậm Trả sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu 2026 và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 Số Tiền Lãi Chậm Trả và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Chậm Trả).

Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Chậm Trả là lãi suất của Kỳ Thanh Toán Lãi tương ứng mà Tổ Chức Phát Hành chậm trả lãi (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian chậm trả lãi của Số Tiền Lãi Chậm Trả tương ứng).

Trong trường hợp Số Tiền Lãi Chậm Trả được hưởng lãi không tròn một Kỳ Thanh Toán Lãi thì số tiền lãi sẽ được tính trên cơ sở số ngày thực tế chậm trả trong kỳ và một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

4. *Kỳ Hạn Trả Lãi Và Gốc Trái Phiếu 2026*

- (a) Tiền lãi Trái Phiếu 2026 được trả sau, định kỳ một (01) năm một lần ("**Kỳ Thanh Toán Lãi**"), vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026 cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành các nghĩa vụ liên quan tới Trái Phiếu 2026.

- (b) Trừ khi Trái Phiếu 2026 được mua lại trước hạn, tiền gốc Trái Phiếu 2026 sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu 2026. Trường hợp Trái Phiếu 2026 được mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026, tiền gốc Trái Phiếu 2026 sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026. Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu 2026 khác, tiền gốc Trái Phiếu 2026 sẽ được hoàn trả một lần vào ngày thực hiện mua lại trước hạn tương ứng.

5. Mệnh Giá

10.000.000 VND (mười triệu Đồng Việt Nam)/Trái Phiếu 2026.

6. Tổng Số Trái Phiếu 2026 Dự Kiến Chào Bán

Bốn trăm nghìn (400.000) trái phiếu.

7. Giá Chào Bán Dự Kiến

10.000.000 (mười triệu) Đồng Việt Nam một Trái Phiếu 2026.

8. Phương Pháp Tính Giá

100% mệnh giá.

9. Phương Thức Phân Phối

Bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại các chi nhánh/phòng giao dịch trên toàn quốc và trụ sở chính của Tổ Chức Phát Hành.

10. Thời Gian Phân Phối

Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận chào bán Trái Phiếu 2026 ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện phân phối Trái Phiếu 2026 trong thời gian tối thiểu hai mươi (20) ngày.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng như sau:

| STT | Nội dung công việc | Thời gian |
|-----|--|-------------------|
| 1 | Thông báo phát hành Trái Phiếu ra công chúng | T |
| 2 | Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu | từ T đến T1 |
| 3 | Báo cáo kết quả chào bán | T1+1 |
| 4 | Nhận xác nhận kết quả chào bán Trái Phiếu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | T1+4 |
| 5 | Làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu cho Nhà đầu tư | từ T1+4 đến T1+30 |

Ghi chú:

- Ngày T là ngày Tổ Chức Phát Hành thông báo về việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng (sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).
- Ngày T1 là ngày Tổ Chức Phát Hành kết thúc chào bán Trái Phiếu. Dự kiến ngày T1 dao động từ khoản T+20 ngày đến T+30 ngày.

Lịch trình phân phối Trái Phiếu cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng và theo tình hình thực tế.

11. Đăng Ký Mua Trái Phiếu

- (a) **Thời hạn:** Việc đăng ký mua Trái Phiếu 2026 sẽ được thông báo sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu 2026 ra công chúng. Thời gian dự kiến để các nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu 2026 tối thiểu là hai mươi (20) ngày sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- (b) **Số lượng:** Tổng số lượng Trái Phiếu 2026 chào bán ra công chúng là 400.000 (bốn trăm nghìn) trái phiếu.
- (c) **Đối tượng được đăng ký mua:** Tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Đối tượng mua Trái Phiếu 2026 do Tổ Chức Phát Hành phát hành lần đầu trên thị trường sơ cấp không bao gồm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty con của tổ chức tín dụng.
- (d) **Phương thức đăng ký mua và thanh toán:**
 - (i) Thời gian muộn nhất để nhà đầu tư thực hiện thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu 2026 là vào ngày kết thúc đợt chào bán theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.
 - (ii) Trái Phiếu 2026 sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công bằng, công khai. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu 2026 đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu 2026 được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu 2026 được phép phát hành cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu 2026 đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu 2026 được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi nhà đầu tư số lượng Trái Phiếu 2026 bằng 100% số lượng Trái Phiếu 2026 mà nhà đầu tư đó đăng ký mua. Để tránh hiểu nhầm, việc đăng ký mua Trái Phiếu 2026 chỉ được coi là hoàn thành khi tiền mua Trái Phiếu 2026 được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu 2026 của Tổ Chức Phát Hành nêu tại Điều Khoản 17. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký coi như không còn giá trị.
- (e) **Phương thức chuyển giao Trái Phiếu 2026:** Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc chào bán Trái Phiếu 2026, nhà đầu tư sẽ nhận Giấy Chứng Nhận Quyền

Sở Hữu Trái Phiếu 2026 tại địa điểm mà nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu 2026.

- (f) **Quyền lợi người mua Trái Phiếu 2026:** Nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán thành công tiền mua Trái Phiếu 2026 sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 với tư cách là Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026, được Tổ Chức Phát Hành chuyển giao Trái Phiếu 2026 theo quy định trên đây và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 theo quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu 2026.
- (g) **Số lượng Trái Phiếu 2026 đặt mua tối thiểu:** năm (05) trái phiếu, tương đương năm mươi triệu (50.000.000) đồng mệnh giá. Để tránh nhầm lẫn, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng trái phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là năm (05) trái phiếu.
- (h) **Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu 2026** trong trường hợp số lượng Trái Phiếu 2026 đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu 2026:

Thời gian: Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc chào bán theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành.

Cách thức: Chuyển vào tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu 2026 theo thông tin đã đăng ký hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm mà nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu 2026 (chỉ đối với trường hợp không có tài khoản ngân hàng).

12. Quyền và Nghĩa Vụ Của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026

12.1. Quyền Của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 được ghi tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu 2026 về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu 2026 đó.

(a) Quyền sở hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu

Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký sẽ lập và duy trì sổ đăng ký (“**Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026**”) ghi tên, số lượng Trái Phiếu 2026 sở hữu, tài khoản nhận gốc, lãi Trái Phiếu 2026 và các thông tin khác của những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ được Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký, thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu (“**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026**”) đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu 2026. Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026.

Quyền sở hữu Trái Phiếu 2026 chỉ được chuyển giao sau khi bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao hoàn thành các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu mà Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký quy định và hoàn tất việc đăng ký thông tin về bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026. Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký sẽ cấp, hoặc bảo đảm cấp cho bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 mới ghi nhận (i) khoản tiền gốc của Trái Phiếu 2026 đã được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và (ii) quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 (*để tránh nhầm lẫn*, bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 đối với Trái Phiếu 2026 được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu ngay khi quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đối với Trái Phiếu 2026 đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026, không phụ thuộc vào việc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 hay chưa). Các chi phí liên quan đến việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ do Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký ấn định khi thực hiện việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026, phù hợp với luật Việt Nam và thực tiễn thị trường và sẽ do bên Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu thanh toán cho Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký.

Nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy thì Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 đó có thể được cấp lại tại văn phòng được chỉ định của Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành sau khi người yêu cầu cấp lại thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại đó cho Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký và người yêu cầu cấp lại phải cung cấp chứng cứ liên quan đến việc cấp lại đó. Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 bị rách nát, hư hại phải được nộp lại trước khi được cấp lại.

(b) *Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác*

Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu 2026 này đối với số Trái Phiếu 2026 mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- (i) Mỗi khoản thanh toán tiền lãi định kỳ vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026 hoặc khoản thanh toán tiền gốc và lãi vào Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026 sẽ được trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là những người có tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 tại Ngày Chốt Danh Sách) thông qua hình thức chuyển trực tiếp vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 đó.
- (ii) Kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho tới Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026 và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026, Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 không được yêu cầu đăng ký Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 và yêu cầu đăng ký chuyển nhượng bất kỳ khoản thanh toán tiền gốc hoặc tiền lãi nào liên quan đến Trái Phiếu 2026 (ngoại trừ trường hợp thừa kế).

(c) *Quyền giao dịch Trái Phiếu 2026*

- (i) Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu 2026 của mình và sử dụng Trái Phiếu 2026 làm tài sản bảo đảm,

cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.

- (ii) Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có thể cầm cố Trái Phiếu 2026 tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 được sử dụng Trái Phiếu 2026 làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định hiện hành của Tổ Chức Phát Hành.
- (iii) Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Khoản 12.1(c)(ii), Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu 2026 hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu 2026 hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 liên quan đến Trái Phiếu 2026 mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu 2026 trừ trường hợp mua lại trước hạn theo các Điều Khoản Trái Phiếu 2026.
- (iv) Việc giao dịch Trái Phiếu 2026 như trên sẽ được thực hiện thông qua đăng ký tại Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký theo thủ tục quy định tại Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán. Để tránh hiểu nhầm, Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký sẽ không nhận hồ sơ cho các giao dịch Trái Phiếu 2026 (ngoại trừ trường hợp thừa kế) kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho tới và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026 và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026.

(d) ***Quyền biểu quyết***

Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có quyền biểu quyết (tại hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu 2026 mà phải xin ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 như được quy định tại Điều Khoản 15.2 dưới đây.

(e) ***Quyền có tổ chức đại diện***

Nếu Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc pháp luật có yêu cầu nhằm mục đích niêm yết Trái Phiếu 2026, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức đáp ứng các điều kiện cần thiết làm đại diện cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 nhằm giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ theo Trái Phiếu 2026 và bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 ("**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026**"). Việc chỉ định như vậy phải được lập thành văn bản với các điều khoản và điều kiện do Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 tự thỏa thuận nhưng không được trái với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 này, không chứa định các điều khoản ảnh hưởng bất lợi đến quyền của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 và sau đó thông báo cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 được biết.

(f) ***Quyền nhận thông tin***

Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có quyền nhận thông tin mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 (nếu có) gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 theo phương thức quy định tại Điều Khoản 15.3 dưới đây.

(g) ***Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành***

- (i) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu 2026 nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại Điều Khoản 3.3) và vẫn tiếp tục không thanh toán trong thời gian mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng (mỗi trường hợp như vậy được gọi là một “**Sự Kiện Vi Phạm**”), thì để buộc Tổ Chức Phát Hành thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác.
 - (ii) Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) (mỗi trường hợp như vậy đều được gọi là một “**Sự Kiện Vi Phạm**”), và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Tổ Chức Phát Hành và tuyên bố Trái Phiếu 2026 mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu 2026 được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.
- (h) Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có các quyền khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 này.

12.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026

- (a) Nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 nhận được liên quan đến Trái Phiếu 2026.
- (b) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu 2026 khi Tổ Chức Phát Hành quyết định đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu 2026 theo Điều Khoản 13.1(b).
- (c) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 này, Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán, và các văn kiện Trái Phiếu 2026 khác (nếu có).

13. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Quyền Của Tổ Chức Phát Hành

(a) Mua Lại Trái Phiếu 2026 vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026

- (i) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điều Khoản 13.1(a)(iii) dưới đây, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một

[Handwritten signature]

phần Trái Phiếu 2026 tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026 với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu 2026.

- (ii) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu 2026 vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026, Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu 2026 cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu 2026 do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu 2026 sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 liên quan tới các Trái Phiếu 2026 sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.
- (iii) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026 như quy định tại Điều Khoản 13.1(a) này, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành hoặc báo đảm Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký gửi thông báo cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 ít nhất mười (10) ngày nhưng không sớm hơn sáu mươi (60) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu 2026 cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu 2026 đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu 2026 sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 như được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 đó.

(b) ***Quyền quyết định việc đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu 2026***

Tổ Chức Phát Hành có quyền quyết định việc Trái Phiếu 2026 được đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết (kể cả về thời điểm và nơi đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu 2026) mà không cần xin chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026. Sau khi có quyết định đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu 2026, Tổ Chức Phát Hành phải thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 biết. Khi đó, tất cả các giao dịch của Trái Phiếu trên thị trường chứng khoán sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

(c) ***Quyền mua lại trái phiếu theo thỏa thuận***

Không ảnh hưởng tới Điều Khoản 13.1(a) nêu trên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu 2026 vào bất cứ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có quyền quyết định có bán Trái Phiếu 2026 của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua Trái Phiếu 2026 được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026. Bất cứ Trái Phiếu 2026 nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

13.2. Nghĩa Vụ Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu 2026 theo Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 này.
- (b) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 này, Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán, và các văn kiện Trái Phiếu 2026 khác (nếu có).

14. Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BSC”) là Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán cho Trái Phiếu 2026 theo Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký và Thanh Toán.

14.1. Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký

Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện:

- (a) Lập và lưu giữ Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 ghi thông tin của những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026, cấp cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 theo quy định tại phần Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 và Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán;
- (b) Thực hiện thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026, Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán và cập nhật việc Chuyển Quyền Sở Hữu này vào Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026;
- (c) Thực hiện cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy;
- (d) Vào Ngày Làm Việc thứ mười lăm (15) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2026, hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu 2026, gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 thông báo về Ngày Chốt Danh Sách Trái Phiếu 2026;
- (e) Duy trì và lưu giữ sổ sách ghi chép về các tài liệu mà Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán nhận được liên quan đến quá trình Chuyển Quyền Sở Hữu và các dịch vụ khác mà Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán cung cấp theo Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký và Thanh Toán;

- (f) Cung cấp bản sao Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 cập nhật về Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành và trợ giúp những yêu cầu hợp lý liên quan đến Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 của Tổ Chức Phát Hành;
- (g) Xác nhận số lượng Trái Phiếu 2026 sở hữu và xác nhận phong tỏa, giải tỏa Trái Phiếu 2026 theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 phục vụ cho giao dịch hợp lý của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026;
- (h) Tùy thuộc quy định của luật pháp Việt Nam từng thời điểm, khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên giá trị giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026.

14.2. Đại Lý Thanh Toán

Đại Lý Thanh Toán được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện:

- (a) Ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày đến hạn thanh toán tiền lãi hoặc tiền gốc của Trái Phiếu 2026, thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về ngày thanh toán đó;
- (b) Tiến hành thanh toán tiền lãi của Trái Phiếu 2026 cho Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026 phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026;
- (c) Thanh toán tiền gốc của Trái Phiếu 2026 cho Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 vào Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026 phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026;
- (d) Tính toán, xác định tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu 2026 phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026 hoặc Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026 phù hợp với Các Điều Khoản của Trái Phiếu 2026, và trong vòng hai (02) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Chốt Danh Sách cung cấp bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026, trong đó nêu rõ số tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu 2026 đến hạn phải trả cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 và số tài khoản nhận tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu 2026 đã đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 đó; và
- (e) Đại Lý Thanh Toán chịu trách nhiệm trước mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 về bất cứ tổn thất hoặc trách nhiệm nào phát sinh do lỗi của Đại Lý Thanh Toán dẫn đến khoản tiền gốc và/hoặc lãi Trái Phiếu 2026 không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điều Khoản 3.1(b) và (c).

15. Các Điều Khoản Khác

15.1. Hủy Bỏ

Tất cả Trái Phiếu 2026 được Tổ Chức Phát Hành hoặc người được ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn theo Điều Khoản 13.1(a) và (c) nêu trên sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại.

Trong vòng năm (05) ngày trước Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2026 theo Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026, Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 phải nộp lại Chứng Nhận Quyền Sở Hữu

Trái Phiếu 2026 cho Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký. Để tránh nhầm lẫn, không phụ thuộc vào việc Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 nộp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 cho Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký, Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi đến hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026.

15.2. Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có thể được Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 10% tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 chưa được thanh toán tại thời điểm đó triệu tập với thông báo bằng văn bản gửi trước ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc (trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 thì phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành). Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập, như hội nghị qua điện thoại, video, trao đổi qua thư điện tử...
- (b) Phụ thuộc vào Điều Khoản 15.2(c), số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 50% tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 chưa được thanh toán tại thời điểm đó, hoặc đối với bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 với bất kỳ tỷ lệ Trái Phiếu 2026 theo mệnh giá nào mà họ nắm giữ hoặc đại diện.
- (c) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung sửa đổi Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu 2026 hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu 2026, giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc hoặc thay đổi lãi suất phải trả liên quan đến Trái Phiếu 2026 hoặc thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu 2026 ("**Vấn Đề Loại Trừ**"), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 chưa được thanh toán tại thời điểm đó, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 50% theo tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 chưa được thanh toán tại thời điểm triệu tập lại cuộc họp đó.
- (d) Nghị quyết được Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 nắm giữ ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 của những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 (dù họ có tham dự trực tiếp hội nghị hay không) với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Vấn Đề Loại Trừ phải được sự chấp thuận của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 đang lưu hành.
- (e) Không phụ thuộc vào các quy định tại Điều Khoản 15.2 (a), (b), (c) và (d) nêu trên, Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 được thông qua tại một cuộc họp với sự tham dự của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội nghị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội nghị không đúng quy định.
- (f) Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập

Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 tại Điều Khoản 15.2(a) và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 đại diện cho ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 thông qua (đối với Vấn Đề Loại Trừ, phải được tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 đang nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 đang lưu hành thông qua).

- (g) Để tránh hiểu nhầm, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 thông qua theo quy định tại Điều Khoản 15.2 này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được chấp thuận bởi Tổ Chức Phát Hành (trừ các nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- (h) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điều Khoản 15.2 (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (g) nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 duy nhất sở hữu 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu 2026 đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026. Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 chấp thuận thông qua. Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành.

15.3. Thông báo

Mọi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bên gửi, hoặc chuyển tận tay, gửi qua fax, qua đường thư điện tử (trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026 là tổ chức, những bản gốc thông báo, thư liên lạc phải được gửi trong thời hạn năm (05) Ngày Làm Việc sau đó), gửi bằng thư bảo đảm hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ tại Sổ Đăng Ký Trái Phiếu 2026 tại thời điểm gửi thông báo.

15.4. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu 2026 và Các Điều Khoản Trái Phiếu 2026 này, trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi, trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán) phải tuân theo các quy định riêng.

(a) *Thuế thu nhập cá nhân*

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu 2026 và thu nhập từ việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu 2026 của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu 2026 được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu 2026 được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

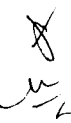
(b) *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu 2026 là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

(c) *Thuế Giá trị Gia tăng*



Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu 2026 thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị Gia tăng.

16.2. Khấu trừ Thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“**Thuế**”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu 2026 sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu 2026.

17. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu 2026

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Số tài khoản: 1000204000020

Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (SWIFT: VBAAVNVX)

B. TRÁI PHIẾU ĐÁO HẠN NĂM 2029

Các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu 2029 (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu 2029**”) sẽ có đặc điểm được quy định theo Các Điều Kiện Trái Phiếu 2026, tất cả các tham chiếu đến “2026” được nêu tại Các Điều Kiện Trái Phiếu 2026 nói trên sẽ có nghĩa là dẫn chiếu đến 2029, trừ những vấn đề sau đây:

1. Định nghĩa

“**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2029**” có nghĩa là ngày tròn năm (05) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu 2029.

“**Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu 2029**” có nghĩa là ngày tròn mười (10) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu 2029.

2. Điều Kiện 2 - Loại Và Đặc Điểm Của Trái Phiếu 2029

(a) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, không được bảo đảm bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, đáo hạn năm 2029, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành (“**Trái Phiếu 2029**”).

(b) Thời Hạn Trái Phiếu 2029: mười (10) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu 2029.

(c) Mã Trái Phiếu 2029: BID2_19.09

3. Điều Kiện 3 - Lãi Suất

Lãi Suất Trái Phiếu 2029 = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,4% (một phẩy bốn phần trăm)/năm

Mỗi Trái Phiếu 2029 sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc Trái Phiếu 2029 (áp dụng đối với trường hợp mua lại toàn bộ mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành) và mỗi Trái Phiếu 2029 được mua lại sẽ không được hưởng lãi kể từ ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại (áp dụng đối với trường hợp mua lại một phần mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành) trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu 2029 không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào các ngày đó do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán.

Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu 2029 bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán tại (i) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2029 thì khoản tiền gốc Trái Phiếu 2029 sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo mức lãi suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ năm (05); hoặc (ii) Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu 2029 thì khoản tiền gốc Trái Phiếu 2029 sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo mức lãi suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ mười (10) (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán) cho đến ngày, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu 2029 hoặc người đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu 2029 nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu 2029 đến hạn thanh toán.

4. Điều Kiện 6 - Tổng Số Trái Phiếu 2029 Dự Kiến Chào Bán

50.000 (năm mươi nghìn) trái phiếu.

5. Điều Kiện 11 - Số lượng Trái Phiếu 2029 đặt mua tối thiểu

Một (01) trái phiếu, tương đương mười triệu (10.000.000) đồng mệnh giá. Để tránh nhầm lẫn, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng trái phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là một (01) trái phiếu.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, tạo thêm kênh thu hút vốn trung và dài hạn để đáp ứng nhu cầu khách hàng, đảm bảo sự bền vững nguồn vốn của Tổ Chức Phát Hành.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ chào bán trái phiếu

Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ phát hành trái phiếu: Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn hoạt động cho Tổ Chức Phát Hành và đáp ứng nhu cầu cho vay VND đối với các dự án trung và dài hạn của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể như sau:

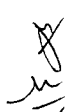
Bảng 28: Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu

| STT | Tên ngành | Kế hoạch sử dụng vốn (tỷ đồng) |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Công nghiệp, thương mại công nghiệp | 1.800 |
| 2 | Sản xuất, phân phối điện, khí đốt | 1.100 |
| 3 | Xây dựng | 400 |
| 4 | Lĩnh vực khác | 1.200 |
| | Tổng cộng | 4.500 |

(Bao gồm cả bù đắp nguồn vốn cân đối tạm thời cho các khoản cho vay đã được giải ngân theo tiến độ dự án thuộc lĩnh vực được NHNN chấp thuận tại Quyết định 1062/QĐ-NHNN ngày 20/05/2019 và theo đúng cơ cấu phân bổ nêu tại Nghị quyết số 1024/NQ-BIDV ngày 16/10/2019).

2. Kế hoạch trả nợ số tiền thu được từ đợt chào bán

- Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi thu được từ các lĩnh vực mà Tổ Chức Phát Hành dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
- Thanh toán gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Tên công ty : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ : Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 22200588 Fax: (84.24) 22200399

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Từ 01/01/2013 đến 31/12/2017:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

Từ 01/01/2018:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 38315100 Fax: (84.24) 38315090

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)
Trụ sở chính : Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 39352722 Fax: (84.24) 22200669

ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ LƯU KÝ VÀ THANH TOÁN:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)
Trụ sở chính : Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 39352722 Fax: (84.24) 22200669


Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh


Địa chỉ : Lầu 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.28) 38218885 Fax: (84.28) 38218510


Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019


Đại diện Tổ chức phát hành
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



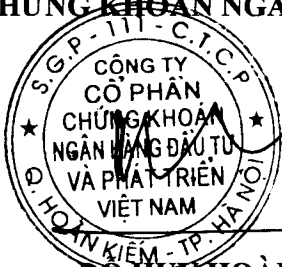

PHAN ĐỨC TÚ
Chủ tịch HĐQT

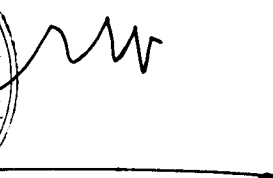

LÊ NGỌC LÂM
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Ban Điều Hành


VÕ BÍCH HÀ
Trưởng Ban Kiểm Soát


TẠ THỊ HẠNH
Kế toán trưởng

Đại diện Tổ chức tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐT&PT VIỆT NAM




ĐỖ HUY HOÀI
Tổng Giám đốc

IX. PHỤ LỤC

- Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Phụ lục II: Nghị quyết Hội đồng quản trị BIDV về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo phương thức trực tiếp phát hành thông qua các chi nhánh/phòng giao dịch/Trụ sở chính BIDV trong quý IV năm 2019 và Thông qua Hồ sơ chào bán trái phiếu ra công chúng
- Phụ lục III: Điều lệ công ty
- Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 (Hợp nhất và Riêng lẻ), Báo cáo tài chính quý III/2019 (Hợp nhất và Riêng lẻ)
- Phụ lục V: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2018 đã được kiểm toán
- Phụ lục VI: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với Nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư và các điều kiện khác;
- Phụ lục VII: Các tài liệu khác liên quan đến đợt chào bán.